

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**LÊ THỊ LOAN**

**ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN DOANH NGHIỆP  
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Luật Kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN QUÝ TRỌNG**

**Hà Nội, 2016**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của cá nhân tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn này đảm bảo tính chính xác và trung thực. Những nội dung trong luận văn có sử dụng tài liệu tham khảo đều được trích dẫn nguồn đầy đủ và chính xác. Đề tài không trùng với bất cứ đề tài nghiên cứu khoa học nào khác.*

Tác giả luận văn

**Lê Thị Loan**

## LỜI CẢM ƠN

*Trước hết, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Tiến sĩ Luật học Nguyễn Quý Trọng - Trưởng bộ môn Luật Thương mại - Trường Đại học Luật Hà Nội đã hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.*

*Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới các Thầy, Cô của Học viện Khoa học xã hội đã truyền đạt những kiến thức khoa học pháp lý cho tôi trong suốt quá trình học tập.*

*Cuối cùng, tôi xin cảm ơn gia đình và đồng nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi, cổ vũ, động viên tôi trong quá trình học tập và thực hiện luận văn này.*

**Lê Thị Loan**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN DOANH NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>6</b>
1.1. Khái quát về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp .....	6
1.2. Vai trò của đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp.....	13
1.3. Mối quan hệ giữa tên doanh nghiệp với các đối tượng sở hữu công nghiệp .	15
1.4. Đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp theo quy định pháp luật của một số quốc gia .....	23
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY .....</b>	<b>30</b>
2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp....	30
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp.....	42
<b>Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY.....</b>	<b>68</b>
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp .....	68
3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp .....	69
3.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp .....	73
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>79</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>80</b>

## DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Tiếng Việt</b>
PLDN	Pháp luật doanh nghiệp
PLSHTT	Pháp luật sở hữu trí tuệ
PLCT	Pháp luật cạnh tranh
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SHCN	Sở hữu công nghiệp
DN	Doanh nghiệp
CT	Cạnh tranh
TM	Thương mại
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
VBBH	Văn bằng bảo hộ
WIPO	Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, pháp luật DN đã có quy định về tên DN và lần đầu được xuất hiện trong Luật Công ty [28] và Luật DN tư nhân [29]. Các quy định về tên DN qua các luật này đã có sự phát triển và dần đáp ứng các yêu cầu về tự do kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người thành lập DN trong việc lựa chọn tên DN.

Luật DN [32] và tiếp theo đó là các văn bản hướng dẫn thi hành đã đánh dấu bước đột phá về thể chế, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, giúp cho DN thuận lợi hơn trong việc thành lập và tự do mở rộng hoạt động kinh doanh, thể hiện đúng tinh thần Hiến pháp [26] về quyền tự do kinh doanh của công dân, của DN. Những quy định cụ thể và tương đối phù hợp đã tạo điều kiện cho các DN trong nước thành lập, phát huy nội lực, khai thác tiềm năng sẵn có và tạo môi trường pháp lý thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài.

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì thủ tục đăng ký thành lập DN vẫn là một trong những thủ tục hành chính cơ bản để DN chính thức gia nhập vào thị trường và được Nhà nước ghi nhận. Trong quá trình đăng ký thành lập DN, việc lựa chọn và đăng ký tên DN là thủ tục bắt buộc và phải tuân theo các quy định của Luật DN và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tên DN đóng vai trò rất quan trọng và là nội dung bắt buộc được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay gọi là GCNĐKDN).

Mặc dù hệ thống pháp luật hiện hành đã có những bước cải thiện đáng kể trong cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt đã có những quy định rõ ràng hơn trong việc đăng ký tên DN, phù hợp với pháp luật kinh doanh của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, cạnh tranh giữa các DN ngày càng trở nên gay gắt,

việc sử dụng tên DN trong hoạt động kinh doanh của các DN đã không dừng lại ở phạm vi điều chỉnh của Luật DN mà đã mở rộng sang phạm vi điều chỉnh của Luật SHTT [27] và Luật CT [30]. Thực tiễn đã xảy ra rất nhiều các vụ việc tranh chấp về quyền SHCN liên quan đến việc đăng ký, sử dụng tên DN của các DN được thành lập theo quy định của Luật DN, do vậy đòi hỏi phải có chính sách quản lý thống nhất về đăng ký, sử dụng tên DN, đảm bảo hài hoà mối quan hệ giữa Luật SHTT, Luật DN, Luật CT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Từ những lý do trên, tác giả quyết định chọn đề tài “Đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam hiện nay” để nghiên cứu, phân tích bản chất pháp lý và cơ sở thực tiễn nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Từ trước đến nay đã có một số công trình khoa học, bài viết hoặc tham luận được công bố trên các sách chuyên khảo, tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các diễn đàn khoa học đề cập đến tên DN ở những cấp độ và phạm vi khác nhau, cụ thể:

- Th.s Trần Thị Phương Hạnh (2006), *Một số ý kiến về tên doanh nghiệp*, Tạp chí Khoa học Pháp lý [18].

- Th.s Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), *Tên doanh nghiệp và bảo hộ tên doanh nghiệp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 8(281) [22].

- Nguyễn Thanh Vân Hằng (2012), *Điều kiện bảo hộ tên thương mại theo pháp luật Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội [19].

- Trần Thị Thu Trang (2014), *Quyền tự do thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật

Hà Nội [23].

- Vũ Thị Thuỳ Dung (2015), *Đăng ký thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội [17].

Các công trình nghiên cứu nêu trên mới chỉ dừng lại ở nội dung nghiên cứu về các quy định của pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN theo quy định của Luật DN [31], [32] và các văn bản hướng dẫn thi hành; mối quan hệ giữa tên DN và nhãn hiệu, tên thương mại theo quy định của Luật DN và Luật SHTT, chưa có nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật, những khó khăn, vướng mắc và đưa ra những nhận xét, đánh giá việc đăng ký, sử dụng tên DN hiện nay.

Đề tài sẽ tiếp cận theo hướng nghiên cứu đăng ký, sử dụng tên DN dưới góc độ phân tích chuyên sâu, so sánh và tìm ra những điểm chưa phù hợp trong quy định của Luật DN [32], Luật SHTT và Luật CT và các văn bản hướng dẫn thi hành, qua đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN tại Việt Nam hiện nay. Đây cũng chính là hướng tiếp cận mới của Luận văn này.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu làm sáng tỏ bản chất pháp lý đăng ký, sử dụng tên DN trên phương diện lý luận và thực tiễn.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nghiên cứu, phân tích cơ sở lý luận về đăng ký, sử dụng tên DN theo quy định của Luật DN và các văn bản hướng dẫn thi hành.;

- Nghiên cứu mối quan hệ pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN theo quy định của Luật DN, Luật SHTT, Luật CT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phân tích thực tiễn đăng ký, sử dụng tên DN và xử lý hành vi sử dụng tên DN xâm phạm quyền SHCN; Làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn những vấn đề vướng mắc, mâu thuẫn nội tại và điều kiện khách quan ảnh hưởng đến



hiệu lực và hiệu quả của các quy định pháp luật điều chỉnh quan hệ pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN; nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN ở nước ta hiện nay.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Bản chất pháp lý của đăng ký, sử dụng tên DN.
- Thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN.

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Pháp luật đăng ký, sử dụng tên DN có nội dung rất rộng và liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác, đặc biệt là pháp luật kinh tế. Trong khuôn khổ luận văn này, tác giả tập trung đi sâu tìm hiểu về các quy định liên quan đến đăng ký, sử dụng tên DN theo quy định của Luật DN, Luật SHTT và có liên quan đến Luật CT và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, tác giả cũng tiến hành nghiên cứu, so sánh một số quy định của pháp luật một số nước (Hoa Kỳ, Trung Quốc) điều chỉnh mối quan hệ giữa tên DN và các đối tượng SHCN... để từ đó sơ bộ đánh giá về nội dung của pháp luật đăng ký, sử dụng tên DN của Việt Nam hiện nay.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu, phân tích
  - Phương pháp đánh giá qua các vụ việc cụ thể
  - Phương pháp tổng hợp và sử dụng số liệu thống kê để đánh giá tình hình thực thi pháp luật trong lĩnh vực này.
- Sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình phân tích, đánh giá và rút ra kết luận.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu về đăng ký, sử dụng tên DN theo quy định của Luật DN, Luật SHTT, Luật CT và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tác giả là người trực tiếp làm công tác nghiên cứu, xây dựng và áp dụng pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN nên những luận điểm trình bày trong luận văn này không chỉ dựa trên nghiên cứu lý luận trong nước và quốc tế, mà còn là những bài học thực tiễn rút ra từ quá trình thi hành pháp luật để xử lý các vụ việc liên quan đến sử dụng tên DN xâm phạm quyền SHCN trong thời gian 5 năm trở lại đây.

Luận văn có ý nghĩa đóng góp trong việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN, đặc biệt trong việc thống nhất các quy định của pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN; xử lý tên DN xâm phạm quyền SHCN, qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý trong giai đoạn hiện nay.

Luận văn là có thể là tài liệu tham khảo trong quá trình hoàn thiện Luật DN, Luật SHTT liên quan đến tên DN. Đồng thời, luận văn có giá trị tham khảo đối với những người quan tâm nghiên cứu, giảng dạy Luật DN và Luật SHTT.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 Chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp và pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp

Chương 2. Thực trạng pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay

Chương 3. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp tại Việt Nam

**Chương 1**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG**  
**TÊN DOANH NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG**  
**TÊN DOANH NGHIỆP**

**1.1. Khái quát về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp**

Tự do kinh doanh là một trong những nội dung của quyền con người và được Hiến pháp ghi nhận [26]. Tự do thành lập DN là một nội dung quan trọng trong quyền tự do kinh doanh, đồng thời cũng là một chế định chủ yếu của pháp luật kinh tế Việt Nam và thường được gọi là pháp luật DN. Nhà nước Việt Nam khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư kinh doanh vào các hình thức DN vì những giá trị kinh tế và xã hội to lớn đem lại từ hoạt động của DN.

Quyền tự do thành lập DN là quyền của nhà đầu tư được lựa chọn và đăng ký loại hình DN, tên DN, ngành, nghề kinh doanh phù hợp với điều kiện của mỗi nhà đầu tư. Quyền tự do kinh doanh trong việc thành lập DN có xu hướng ngày càng được mở rộng về nội dung đối với nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức Việt Nam.

Luật DN cũng khẳng định, thành lập DN và ĐKKD theo quy định của pháp luật là quyền của cá nhân và tổ chức được Nhà nước bảo hộ. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không được ban hành các quy định về ĐKKD áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình. Nghiêm cấm cơ quan ĐKKD sách nhiễu, gây phiền hà đối với tổ chức, cá nhân trong khi tiếp nhận hồ sơ giải quyết việc đăng ký thành lập DN, đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD.

**1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp**

Doanh nghiệp là một trong những chủ thể kinh doanh chủ yếu của xã hội. Tại Khoản 7 Điều 4 Luật DN đã có quy định khái niệm về DN:

*Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế có tên riêng, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh [32].*

Quá trình kinh doanh thực hiện một cách liên tục, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích để sinh lợi. Như vậy DN là tổ chức kinh tế vì lợi, mặc dù thực tế một số tổ chức DN thành lập có các hoạt động không hoàn toàn nhằm mục tiêu lợi nhuận (DN xã hội).

### ***1.1.2. Khái niệm về tên doanh nghiệp***

#### **1.1.2.1 Quan niệm về tên doanh nghiệp**

DN là tổ chức kinh tế có tên riêng...”. Đây chính là đoạn đầu trong khái niệm DN được ghi nhận tại Khoản 7 Điều 4 Luật DN [32]. Điều này cho thấy tên DN là một thành tố quan trọng cấu thành DN. Tên DN có ý nghĩa rất lớn đối với đời sống DN, nó gắn liền với sự tồn tại, hưng thịnh hay suy vong của DN. Hiểu được tầm quan trọng của tên DN, nhiều DN đã có những chiến lược xây dựng và bảo vệ đối với tên gọi của DN mình; bên cạnh đó pháp luật kinh tế, đặc biệt là Luật DN, Luật SHTT cũng đã tạo dựng hành lang pháp lý nhằm bảo hộ quyền lợi hợp pháp của các DN đối với tên gọi của DN [18].

Tên DN không phải là một thuật ngữ xa lạ mà nó gắn liền với DN, song để hiểu tên DN là như thế nào, chắc hẳn cũng sẽ còn có người đặt ra câu hỏi. Sau đây là một số cách hiểu về tên DN.

#### ***Thứ nhất, tên DN theo cách hiểu thực tế***

Tên DN là tên gọi của một chủ thể kinh doanh, xác định một DN cụ thể với đầy đủ những đặc điểm riêng biệt của nó (loại hình DN, người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh....). Tên DN được DN sử dụng thường xuyên trong hoạt động kinh doanh, thể hiện mối quan hệ với các

chủ thể khác như quan hệ thương mại với các đối tác, quan hệ quản lý với các cơ quan quản lý nhà nước, quan hệ lao động với người lao động...

Tên DN là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho khách hàng nhận biết cũng như phân biệt được nguồn gốc sản phẩm hàng hoá, dịch vụ do DN mình sản xuất ra với các hàng hoá, dịch vụ cùng loại do các DN khác đưa ra thị trường.

Như vậy, theo cách hiểu thực tế thì *tên DN được hiểu là tên gọi của một DN đã đăng ký và được Nhà nước ghi nhận trong GCNĐKDN, được dùng để xưng danh, gọi tên trong các giao dịch... giúp đối tác có thể tìm kiếm dễ dàng và chính xác, thúc đẩy công việc kinh doanh phát triển.*

*Thứ hai, tên DN từ góc độ pháp lý*

Tên DN là tên đầy đủ được đăng ký khi thành lập DN. Luật DN có các điều khoản quy định về tên DN, như quy định tên tiếng Việt của DN gồm có hai thành tố theo thứ tự sau đây: (i) loại hình DN và (ii) tên riêng [32]. Tên DN phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng, địa điểm kinh doanh của DN; tên DN phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do DN phát hành. Luật DN không có định nghĩa tên DN là gì.

Luật SHTT [27] và Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN [2] chỉ đề cập đến tên DN trong mối quan hệ với tên TM chứ không có định nghĩa tên DN là gì. Đối với tên TM, tại Khoản 21 Điều 4 Luật SHTT đã đưa ra khái niệm khá đầy đủ về tên TM và các điều kiện bảo hộ tên TM, cụ thể như sau:

*Tên TM là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh. Tên TM phải có khả năng phân biệt [27].*

Như vậy, tên TM là tên gọi của chủ thể dùng trong hoạt động kinh doanh và được bảo hộ khi nó có khả năng phân biệt. Chức năng chính của tên

TM là nhằm phân biệt, cá thể hóa chủ thể kinh doanh này với chủ thể kinh doanh khác, sự phân biệt cần thiết được đặt ra khi trong cùng một lĩnh vực kinh doanh, trong cùng một khu vực kinh doanh có sự cạnh tranh gay gắt giữa các chủ thể kinh doanh.

Trong thực tế, có rất ít người phân biệt được đâu là tên TM, đâu là tên DN và thông thường là hay bị nhầm lẫn vì cùng là tên gọi của chủ thể kinh doanh.

Như vậy, dưới góc độ pháp lý có thể hiểu tên DN như sau:

*Tên DN là tên gọi đầy đủ của DN được ghi nhận trong GCNĐKDN, bao gồm loại hình DN và tên riêng, dùng để xưng danh trong hoạt động kinh doanh của DN, được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do DN phát hành.*

#### **1.1.2.2. Chức năng của tên doanh nghiệp**

##### *(i) Chức năng thông tin*

Tên tiếng Việt của DN bao gồm 02 thành tố là loại hình DN và tên riêng. Do vậy chức năng thông tin của tên DN cho biết loại hình DN là gì (Công ty TNHH, Công ty CP, Công ty hợp danh, DNTN); tên riêng có thể bao gồm lĩnh vực hoạt động chính của DN và tên gọi (thành phần phân biệt).

Ngoài tên tiếng Việt, DN còn đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (tên giao dịch).

##### *(ii) Chức năng phân biệt*

Tên DN còn có chức năng phân biệt, không trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên DN khác đã đăng ký trong phạm vi toàn quốc.

##### *(iii) Chức năng khẳng định uy tín của DN*

Hiện nay, tên DN không chỉ có ý nghĩa đơn thuần là một tên gọi, để phân biệt các DN với nhau mà nó còn có một giá trị khác, lớn lao hơn nhiều. Đó chính là thương hiệu DN. Tên DN còn gắn liền với uy tín, chất lượng sản phẩm của DN. Từ đó tên DN cũng là một tài sản có giá trị rất lớn đối với DN,

có khi còn lớn hơn rất nhiều so với các tài sản khác của DN. Tên DN ngày nay đóng vai trò to lớn trong sự phát triển của DN nói riêng và nền kinh tế nói chung [22, tr40].

### **1.1.2.3 Các yếu tố cấu thành tên doanh nghiệp**

Cũng giống như con người, DN khi được khai sinh cũng cần có một cái tên. Tuy nhiên, khác với con người, DN là một sản phẩm nhân tạo mang tính pháp lý [18], vì thế tên của DN phải thể hiện được những nội dung theo quy định của Điều 38 Luật DN, cụ thể như sau:

(i) Tên tiếng Việt của DN bao gồm hai thành tố là loại hình doanh nghiệp và tên riêng theo thứ tự sau đây [32]:

- Loại hình DN: Tên loại hình DN được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “DN tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với DN tư nhân;

- Tên riêng: Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu, do người sáng lập ra DN đặt.

Luật DN [32] không còn quy định tên DN phải phát âm được như quy định tại Luật DN [31]. Quy định như vậy là mở rộng hơn quyền đặt tên đối với DN.

Như vậy tên riêng của DN có thể bao gồm: thành phần phân biệt giữa chủ thể này và chủ thể khác (VD: Hải Hà, Việt Mỹ, Trung Nguyên...); ngành nghề kinh doanh (Sản xuất, thương mại, dịch vụ, đầu tư, xây dựng...), hình thức đầu tư của DN.

(ii) Tên DN bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của DN có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

Trường hợp DN có tên bằng tiếng nước ngoài thì tên bằng tiếng nước ngoài của DN được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của DN tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của DN hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do DN phát hành (Khoản 1, 2 Điều 40 Luật DN) [32].

(iii) Tên viết tắt của DN được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì trước khi đăng ký tên DN, DN hoặc người thành lập DN tham khảo tên các DN đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký DN [11].

Như vậy, theo quy định của Luật DN thì DN có thể có 03 tên: tên tiếng Việt, tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt.

(iv) Tên chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện phải được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và các ký hiệu.

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện phải mang tên DN kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện.

### ***1.1.2. Khái niệm về đăng ký tên doanh nghiệp***

Đăng ký DN là việc người thành lập DN đăng ký thông tin về DN dự kiến thành lập, DN đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký DN với cơ quan ĐKKD và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thành lập DN là một thủ tục pháp lý cần thiết, trong đó DN thực hiện đăng ký với cơ quan ĐKKD nhằm ghi nhận sự ra đời của DN và xác định địa vị pháp lý của DN trên thị trường.



Để đăng ký thành lập DN, người thành lập DN cần phải chuẩn bị bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ như: (i) Giấy đề nghị ĐKKD theo mẫu thống nhất do cơ quan ĐKKD có thẩm quyền quy định, trong đó có nội dung về tên DN; (ii) Danh sách thành viên (đối với công ty hợp danh, công ty TNHH), danh sách cổ đông sáng lập (đối với công ty cổ phần); (iii) Giấy tờ chứng thực cá nhân/tổ chức của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông sáng lập; (iv) Dự thảo điều lệ công ty (đối với công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty CP); (v) Văn bản xác nhận vốn pháp định và/hoặc chứng chỉ hành nghề (nếu kinh doanh ngành, nghề có yêu cầu về điều kiện kinh doanh).

Trong hồ sơ đăng ký thành lập DN, người thành lập DN hoặc người đại diện theo pháp luật của DN phải chuẩn bị các giấy tờ nêu trên (đối với từng loại hình DN) và phải điền đầy đủ thông tin trong các giấy tờ đó, trong đó thông tin về tên DN là thông tin bắt buộc được ghi trong Giấy đề nghị đăng ký DN.

Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét hồ sơ đăng ký thành lập DN dựa trên nhiều điều kiện khác nhau (về đối tượng thành lập, tên DN, ngành nghề kinh doanh, trụ sở, hồ sơ...) trước khi cấp GCNĐKDN, trong đó điều kiện về tên DN dự kiến thành lập là điều kiện bắt buộc để xem xét, nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của PLDN thì tên DN đăng ký sẽ được ghi nhận trong GCNĐKDN.

*Như vậy, đăng ký tên DN là việc người thành lập DN đăng ký tên trong Giấy đề nghị thành lập DN, được cơ quan ĐKKD xem xét và ghi nhận trong GCNĐKDN.*

### **1.1.3. Khái niệm sử dụng tên doanh nghiệp**

Sau khi được thành lập một cách hợp pháp, DN tiến hành các hoạt động kinh doanh. Tại Khoản 16 Điều 4 Luật DN quy định: “*Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư,*

*từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi” [32].*

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, DN có những quyền được pháp luật xác định và bảo hộ, đồng thời cũng có những nghĩa vụ đối với nhà nước, đối với xã hội. Đây là những quyền và nghĩa vụ pháp lý do pháp luật xác định và bảo đảm thực hiện. Ngoài ra, DN có thể thực hiện những nghĩa vụ xã hội khác với ý nghĩa là các hoạt động tự nguyện, từ thiện. Cơ quan ĐKKD phối hợp với các cơ quan nhà nước khác có trách nhiệm tạo điều kiện để các DN thực hiện quyền, đồng thời cũng thực hiện sự kiểm soát, quản lý và đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ.

Với tư cách là một chủ thể độc lập trong kinh doanh, theo quy định của pháp luật, trong quá trình hoạt động kinh doanh, các DN có quyền đối với tài sản; tự do chủ động lựa chọn và thay đổi ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh...trong đó có quyền sử dụng tên DN trong hoạt động kinh doanh mà mình đã đăng ký.

*Như vậy, sử dụng tên DN là việc DN gắn tên DN của mình trên biển hiệu tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của DN; được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do DN phát hành; được gắn trên phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ của DN trong hoạt động kinh doanh.*

## **1.2. Vai trò của đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp**

Bất kỳ một cá nhân hay một tổ chức muốn gia nhập thị trường đều phải thực hiện thủ tục đăng ký thành lập DN (trong đó có đăng ký tên DN) nhằm xác định địa vị pháp lý của DN, thể hiện sự công nhận của Nhà nước với sự ra đời của thực thể kinh doanh. Đây là thủ tục hành chính đầu tiên DN phải thực hiện trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh. Người thành lập DN sẽ thực hiện thủ

tục đăng ký DN tại cơ quan ĐKKD cấp tỉnh nơi DN dự định đặt trụ sở chính. Khi được cấp GCNĐKDN, trong đó có ghi nhận tên DN thì DN được sử dụng tên DN của mình trong hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

### ***1.2.1. Vai trò của đăng ký tên doanh nghiệp***

#### **1.2.1.1. Đối với doanh nghiệp**

Đặt tên cho DN là một việc làm hết sức quan trọng và có ý nghĩa. Tên DN không chỉ là tên gọi thông thường mà nó còn thể hiện một phân lĩnh vực sản xuất kinh doanh hay thể hiện tâm tư của chủ thể thành lập DN. Điều này đòi hỏi các chủ thể thành lập DN đặt tên DN phải đảm bảo những yếu tố ngắn gọn, đầy đủ, gợi nhớ đến DN.

Tên DN là tài sản của DN. Tên DN là yếu tố hình thức nhưng là dấu hiệu đầu tiên xác định tư cách chủ thể độc lập của DN trên thị trường. Tên DN là cơ sở để Nhà nước thực hiện quản lý nhà nước đối với DN và cũng là cơ sở để phân biệt chủ thể trong quan hệ giữa các DN với nhau và người tiêu dùng.

Người thành lập DN hoặc DN không được đặt tên DN trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của DN khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký DN trên phạm vi toàn quốc, trừ những DN đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố TN bị phá sản (Khoản 2 Điều 17 Luật DN) [32].

Do vậy, đăng ký DN chính là công cụ tốt nhất để bảo vệ tên DN, từ đó góp phần hạn chế các tranh chấp về SHCN liên quan đến tên DN.

#### **1.2.1.2. Đối với quản lý nhà nước**

Đăng ký DN là một công cụ quản lý nhà nước đối với DN, là một bộ phận quản lý nhà nước, trong đó khách thể quản lý là DN. Việc đăng ký thành lập DN (trong đó có tên DN) thể hiện sự bảo hộ của nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động kinh doanh và quản lý chủ DN.

Đăng ký tên DN là công cụ để nhà nước quản lý hoạt động kinh doanh của DN thông qua chủ thể là tên gọi của DN.

### ***1.2.2 Vai trò của sử dụng tên doanh nghiệp***

Tên DN đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động thương mại, ngoài vai trò xưng danh và giúp khách hàng nhận diện DN, tên DN còn có một vai trò quan trọng hơn đó là sự khẳng định uy tín, vị thế của DN trước khách hàng cũng như trước các đối tác. Chẳng hạn, nói đến Microsoft, người ta nghĩ ngay đến tập đoàn phần mềm lớn nhất thế giới, nói đến Coca Cola người ta nghĩ ngay đến công ty nước giải khát lớn nhất thế giới, nói đến Trung Nguyên người Việt Nam tự hào vì có một công ty cà phê nổi tiếng không chỉ ở thị trường trong nước... Có thể nói, tên DN có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với DN, nó tồn tại suốt thời gian tồn tại của DN từ khi thành lập đến khi DN chấm dứt hoạt động và được sử dụng thường xuyên khi DN xuất hiện trước công chúng, trong các giao dịch với khách hàng. Tên DN là cơ sở quan trọng để hình thành nên thương hiệu của DN. Trong thực tiễn hoạt động kinh doanh ở nước ta hiện nay, không ít những DN Việt Nam đã xây dựng được những thương hiệu mạnh thông qua hình ảnh tên gọi của DN mình như siêu thị Coop Mart, dệt may Việt Tiến, đồ hộp Hạ Long, điện tử Tiến Đạt, sữa Vinamilk, cà phê Trung Nguyên... Do đó, tên DN cũng được xem là một đối tượng của quyền SHCN, được bảo hộ dưới hình thức là tên TM bởi Luật SHTT.

### **1.3. Mối quan hệ giữa tên doanh nghiệp với các đối tượng sở hữu công nghiệp**

Tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là một trong những thành tố góp phần vào sự phát triển và thành công của doanh nghiệp. Các đối tượng SHCN này được coi là yếu tố đầu tiên và quan trọng trong chiến lược xâm nhập và mở rộng thị trường. Trong hoạt động kinh doanh, tên DN có mối quan hệ chặt chẽ với các đối tượng SHCN, do vậy để phát huy hiệu quả các

mối quan hệ đó cũng như tránh được những rủi ro, tranh chấp xảy ra, gây thiệt hại trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như uy tín của DN trên thương trường, cần phải có sự nghiên cứu về các mối quan hệ đó.

### ***1.3.1. Mối quan hệ giữa tên doanh nghiệp với tên thương mại***

Tên DN là tên đầy đủ được đăng ký khi thành lập DN, bao gồm hai thành tố là loại hình doanh nghiệp và tên riêng, được ghi nhận trong GCNĐKDN. Hiện nay, theo quy định Luật DN, DN được đăng ký ba tên: tên bằng tiếng Việt; tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt [32].

Ngoài những tên gọi theo quy định của Luật DN, DN còn có một loại tên khác là tên TM theo quy định của Luật SHTT.

*Tên TM là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh [27].*

Tên TM được coi là có khả năng phân biệt nếu đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 76 và Điều 78 Luật SHTT, cụ thể như sau:

(i) Tên TM phải chứa thành phần tên riêng, trừ đã được biết đến rộng rãi do sử dụng.

Thành phần tên riêng có thể hiểu gồm: Phần mô tả và phần phân biệt.

Phần mô tả là một tập hợp các từ có nghĩa mô tả tóm tắt loại hình doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh, không có khả năng tạo nên tính phân biệt cho tên thương mại.

Phần phân biệt để phân biệt chủ thể này với chủ thể khác trong cùng lĩnh vực kinh doanh.

Ví dụ: Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Nhật Minh.

Tên thương mại này đáp ứng tiêu chí chứa thành phần tên riêng “Nhật Minh” là thành phần phân biệt, còn loại hình doanh nghiệp là Công ty TNHH; thành phần mô tả: “Thương mại đầu tư và du lịch” không được bảo hộ.

(ii) Tên TM không trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên TM mà người khác đã sử dụng trước trong cùng lĩnh vực kinh doanh và khu vực kinh doanh.

Tên TM là đối tượng SHCN được tự động xác lập chứ không thông qua việc đăng ký cấp VBBH. Do đó, rất khó để xác định một tên TM nào đó đã có DN khác sử dụng trước đó hay chưa để xác định tên TM có trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với tên TM đã được bảo hộ trước đó trong cùng lĩnh vực kinh doanh hay khu vực kinh doanh. Hiện nay Cục SHTT chưa có cơ sở dữ liệu để tra cứu các tên TM đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật. Chỉ khi có tranh chấp xảy ra thì chủ sở hữu tên TM mới đưa ra bằng chứng chứng minh việc sử dụng hợp pháp tên TM của mình trong phạm vi khu vực, địa bàn, lĩnh vực kinh doanh liên quan, lúc đó cơ quan có thẩm quyền mới xác định được tên TM có đáp ứng được điều kiện bảo hộ hay không.

(iii) Tên TM không trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác hoặc với chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ trước ngày tên TM đó được sử dụng.

Tên TM được bảo hộ theo quy định của Luật SHTT có nhiều nét tương đồng với tên DN được bảo hộ theo Luật DN. Luật DN cũng yêu cầu tên DN phải có ít nhất hai thành tố là loại hình DN và tên riêng, cũng như không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của DN đã đăng ký. Đồng thời, Luật DN và Luật SHTT đều không cho phép dùng tên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoặc chủ thể khác để làm tên DN hay tên TM [19, tr15].

Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là tên TM có phải là tên DN không? Hiện chưa có một văn bản nào xác nhận hai vấn đề này. Theo quan điểm của tác

giả, mặc dù tên DN và tên TM, dù có nhiều điểm tương đồng trong cách sử dụng, nhưng giữa chúng có một số điểm khác biệt:

*- Thứ nhất, về pháp luật điều chỉnh*

Tên DN được Luật DN bảo vệ như một thành phần cấu thành tư cách pháp lý của doanh nghiệp, còn tên TM được Luật SHTT bảo hộ với tư cách là đối tượng SHCN.

*- Thứ hai, về các yếu tố cấu thành*

Tên DN phải có 02 thành tố là loại hình DN và tên riêng, được ghi rõ trong GCNĐKDN. Tên TM không có quy định về các thành tố cấu thành, nhưng quy định phải chứa thành phần tên riêng, trừ trường hợp được biết đến rộng rãi do sử dụng.

*- Thứ ba, về căn cứ xác lập quyền*

Quyền đối với tên DN phát sinh khi DN được cấp GCNĐKDN, trong khi đó quyền SHCN đối với tên TM được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp, mà không cần đăng ký với cơ quan nào.

*- Thứ tư, về phạm vi bảo hộ*

Tên DN được bảo hộ trong phạm vi toàn quốc, còn tên TM chỉ được bảo hộ trong lĩnh vực và khu vực kinh doanh nhất định (phụ thuộc vào chứng cứ sử dụng do chủ thể quyền cung cấp).

Vấn đề đặt ra là DN có thể có nhiều tên TM hay chỉ có một tên TM duy nhất?. Vấn đề này cũng đang bị bỏ ngỏ. Như đã phân tích ở trên, Luật SHTT không cấm DN cùng lúc sử dụng từ hai tên TM trở lên. Theo hướng đó, DN có quyền sử dụng hơn một tên TM, miễn là DN chứng minh việc sử dụng hợp pháp tên thương mại của mình theo quy định của Luật SHTT.

Ở Việt Nam hiện nay, tên DN thường là tên TM. DN thường xuyên sử dụng tên tiếng Việt, tên tiếng nước ngoài hoặc tên viết tắt của DN trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Ví dụ: Tổng Công ty Dược Việt Nam thường sử dụng tên tiếng Việt là Tổng Công ty Dược Việt Nam và tên viết tắt là VINAPHARM trong hoạt động kinh doanh lĩnh vực dược phẩm, ổn định, lâu dài, được người tiêu dùng biết đến rộng rãi, đáp ứng các điều kiện bảo hộ là tên TM theo quy định của Luật SHTT. Do vậy, Tổng Công ty Dược Việt Nam có hai tên TM là Tổng Công ty Dược Việt Nam và VINAPHARM; hoặc Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu được thành lập ngày 29/8/2002, là nhà cung cấp các giải pháp tổng thể cửa hàng đầu tại Việt Nam. Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu sử dụng 02 tên TM trong hoạt động kinh doanh, đó là Công ty CP cửa sổ nhựa Châu Âu và EUROWINDOW.

### ***1.3.2 Mỗi quan hệ giữa tên doanh nghiệp với nhãn hiệu***

Trong nền kinh tế thị trường khá đa dạng như hiện nay thì người tiêu dùng sẽ có nhiều cơ hội để chọn lựa cho mình những sản phẩm phù hợp nhất và theo họ là tốt nhất. Điều đó cũng có nghĩa nhà sản xuất phải chấp nhận một cuộc cạnh tranh khắc nghiệt để xây dựng và bảo vệ thương hiệu của mình. Khi đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu với cơ quan nhà nước thì đây chính là xác lập cơ sở pháp lý cho việc xác định quyền sở hữu của DN với nhãn hiệu đó, đây là quyền độc quyền trong phạm vi lãnh thổ mà nhãn hiệu được bảo hộ.

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Tại Việt Nam, một dấu hiệu được bảo hộ là nhãn hiệu nếu chúng đáp ứng các quy định về điều kiện bảo hộ được quy định tại Điều 72 Luật SHTT, theo đó, nhãn hiệu: (i) phải là các dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc; (ii) các dấu hiệu này phải có khả năng phân biệt [27]. Để cụ thể hóa điều khoản này, Điều 73 Luật SHTT có quy định chi tiết về các dấu hiệu không được bảo hộ dưới danh nghĩa nhãn hiệu và Điều 74 Luật SHTT quy định về các trường hợp



theo đó nhãn hiệu được coi là có khả năng phân biệt. Nếu nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với tên TM đang được sử dụng của người khác, có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng thì được coi là không có khả năng phân biệt.

Tên DN là tên gọi của DN dùng để xưng danh trong hoạt động kinh doanh. Trong thực tiễn, có rất nhiều DN lấy thành phần tên riêng của DN đăng ký bảo hộ là nhãn hiệu. Đây chính là xác lập cơ sở pháp lý cho việc xác định quyền sở hữu của DN với nhãn hiệu đó, khẳng định quyền độc quyền đối với nhãn hiệu trong phạm vi lãnh thổ mà nhãn hiệu được bảo hộ. DN có toàn quyền khai thác, sử dụng nhãn hiệu đã được bảo hộ và được pháp luật bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Công ty cổ phần sữa Việt Nam Vinamilk, thì “Vinamilk” vừa là thành tố cấu thành tên riêng của DN, vừa là nhãn hiệu được bảo hộ. Nhãn hiệu “Vinamilk” được đánh giá là nhãn hiệu dẫn đầu tại Việt Nam năm 2006 [20].

Đối với các tập đoàn, các DN hoạt động kinh doanh trên toàn cầu, để khẳng định uy tín, vị thế của mình trên thương trường, các DN đều có chiến lược xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ của mình, thường thì thành phần tên riêng của DN trùng với nhãn hiệu đăng ký bảo hộ, ví dụ: Hyundai, Mishubishi, Honda, Yamaha, AEON, Intel, DKSH...

Theo quan điểm của tác giả, mặc dù tên DN và nhãn hiệu có mối tương quan với nhau, tuy nhiên giữa chúng có một số điểm khác biệt:

- Thứ nhất, về pháp luật điều chỉnh

Tên DN được Luật DN bảo vệ như một thành phần cấu thành tư cách pháp lý của doanh nghiệp, còn nhãn hiệu được Luật SHTT bảo hộ với tư cách là đối tượng SHCN.

- Thứ hai, về các yếu tố cấu thành

+ Tên DN phải có 02 thành tố là loại hình DN và tên riêng, được ghi rõ trong GCNĐKDN. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái

tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

+ Nhãn hiệu là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

Như vậy các yếu tố cấu thành của nhãn hiệu rộng hơn các yếu tố cấu thành của tên DN vì không chỉ là dấu hiệu dưới dạng chữ cái mà còn có thể là dấu hiệu hình, màu sắc.

- *Thứ ba, về căn cứ xác lập quyền*

Quyền đối với tên DN phát sinh khi DN được cấp GCNĐKDN, trong khi đó quyền SHCN đối với nhãn hiệu được xác lập trên cơ sở quyết định cấp VBBH hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của Điều ước quốc tế; đối với nhãn hiệu nổi tiếng, quyền sở hữu được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký.

- *Thứ tư, về chức năng*

+ Tên DN nhằm phân biệt chủ thể kinh doanh này với chủ thể kinh doanh khác trong phạm vi toàn quốc.

+ Nhãn hiệu nhằm phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ thể kinh doanh này với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể kinh doanh khác đối với cùng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

- *Thứ năm, về phạm vi bảo hộ*

+ Tên DN có phạm vi bảo hộ trong toàn quốc, được kinh doanh trong ngành nghề mà DN đăng ký kinh doanh.

+ Nhãn hiệu có phạm vi bảo hộ trên toàn quốc, đối với nhóm sản phẩm, dịch vụ được cấp trong GCNĐKNH.

### ***1.3.3 Mỗi quan hệ giữa tên doanh nghiệp với chỉ dẫn địa lý***

Chỉ dẫn địa lý đã và đang được nhiều quốc gia trên thế giới xây dựng, phát triển và sử dụng như một bằng chứng bảo đảm với người tiêu dùng về

nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, mà còn là công cụ hữu hiệu để quảng bá, nâng cao hình ảnh và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ dẫn sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể (Khoản 22 Điều 4 Luật SHTT) [27].

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây: (i) Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý; (ii) Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định.

Theo thống kê của Cục SHTT, cho đến ngày 26/7/2013, Việt Nam có 35 sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, trong đó phần lớn là nông sản. Tính đến thời điểm này, Việt Nam có 43 chỉ dẫn địa lý được bảo hộ [16].

Phú Quốc là chỉ dẫn địa lý đầu tiên được Cục Sở hữu công nghiệp (nay là Cục SHTT) cấp Giấy chứng nhận tên gọi xuất xứ nước mắm (nay gọi là Giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý) từ ngày 01/6/2001. Quyền sở hữu chỉ dẫn địa lý thuộc về UBND tỉnh Kiên Giang. Pháp luật nghiêm cấm bất kỳ ai sử dụng chỉ dẫn địa lý “Phú Quốc” đang được bảo hộ để cấu thành tên riêng của DN, trừ trường hợp được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Theo quan điểm của tác giả, mặc dù tên DN và chỉ dẫn địa lý cũng có mối tương quan với nhau, tuy nhiên giữa chúng có một số điểm khác biệt:

*- Thứ nhất, về pháp luật điều chỉnh*

Tên DN được Luật DN bảo vệ như một thành phần cấu thành tư cách pháp lý của doanh nghiệp, còn chỉ dẫn địa lý được Luật SHTT bảo hộ với tư cách là đối tượng SHCN.

*- Thứ hai, về các yếu tố cấu thành*

+ Tên DN phải có 02 thành tố là loại hình DN và tên riêng, được ghi rõ trong GCNĐKDN.

+ Chỉ dẫn địa lý là từ ngữ, biểu tượng, hình ảnh, ... chỉ rõ một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, địa phương thuộc một quốc gia mà đặc trưng về chất lượng, uy tín, danh tiếng hoặc các đặc tính khác của loại hàng hóa này chủ yếu là do nguồn gốc địa lý tạo nên.

- *Thứ ba, về căn cứ xác lập quyền*

Quyền đối với tên DN phát sinh khi DN được cấp GCNĐKDN, trong khi đó quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quyết định cấp VBBH.

- *Thứ tư, về phạm vi bảo hộ*

+ Tên DN có phạm vi bảo hộ trong toàn quốc, được kinh doanh trong ngành nghề mà pháp luật không cấm.

+ Chỉ dẫn địa lý có phạm vi bảo hộ trên toàn quốc, đối với nhóm sản phẩm, dịch vụ được cấp trong VBBH.

- *Thứ năm, mối quan hệ giữa hàng hóa và chỉ dẫn địa lý*

+ Tên DN: được gắn lên bất kỳ sản phẩm, hàng hóa nào do DN sản xuất ở bất kỳ địa điểm kinh doanh nào của DN.

+ Chỉ dẫn địa lý: được gắn lên sản phẩm, hàng hóa mà một hoặc một số hoặc toàn bộ quá trình sản xuất hàng hóa đó được thực hiện ở một vùng địa lý đó.

#### **1.4. Đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp theo quy định pháp luật của một số quốc gia**

##### ***1.4.1. Đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp tại Hoa Kỳ***

Ở Hoa Kỳ không có quy định chung về việc thành lập DN áp dụng cho tất cả các bang. Quy định này ở mỗi bang một khác. Luật của các bang về các loại hình DN có thể không hoàn toàn giống nhau; tuy nhiên, ở tất cả các bang đều tồn tại bốn loại hình DN cơ bản. Thủ tục thành lập doanh nghiệp ở

các bang đều đơn giản và nhanh chóng. Các công ty có vốn đầu tư nước ngoài chịu sự điều tiết của pháp luật giống như các công ty trong nước. Tên của DN thuộc loại hình công ty cổ phần phải có chữ cuối cùng là: Corporation, Company, Incorporated, Limited, Syndicate, Union, Society, Club, Foundation, Fund, Institute, Association; hoặc sử dụng một trong những từ viết tắt là: Co., Corp., Inc., hoặc Ltd. Tên của DN thuộc loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn phải có chữ cuối cùng là: LLC., L.L.C., hoặc Limited Liability Company. Cơ quan chịu trách nhiệm ĐKKD ở các bang cũng khác nhau, có thể là sở thương mại hoặc văn phòng phát triển doanh nghiệp..., hoặc thậm chí được phân cấp cho quận. Trang web của cơ quan ĐKKD các bang hoặc quận cung cấp đầy đủ các thông tin và hướng dẫn tỉ mỉ các thủ tục đăng ký kinh doanh [12].

Trong quá trình sử dụng tên DN, pháp luật Hoa Kỳ cũng đã có quy định để xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHCN liên quan đến tên DN. Để có căn cứ khiếu kiện hành vi xâm phạm tên DN, người khởi kiện phải xác lập bằng chứng theo đó:

**Thứ nhất:** Người khởi kiện phải có quyền kinh doanh với tên DN nhất định.

Ở các tiểu bang quy định việc đăng ký tên DN, thì việc DN đăng ký tên DN với cơ quan có thẩm quyền sẽ làm phát sinh quyền được bảo hộ đối với tên DN theo nguyên tắc quyền sở hữu thuộc về người đăng ký trước (“first to file”). Ở các tiểu bang không quy định việc đăng ký tên DN, thì quyền sở hữu tên DN sẽ phải được chứng minh bằng việc đưa ra bằng chứng về việc sử dụng của công chúng, nghĩa là pháp luật chỉ có thể bảo hộ tên DN trong trường hợp chứng minh được rằng DN đó và tên DN đó là không thể tách rời trong tư duy của công chúng. Theo luật liên bang, DN chỉ có thể có quyền đối với tên DN trong trường hợp tên DN được sử dụng thường xuyên và liên tục.

**Thứ hai:** Bị đơn đã xâm phạm quyền này bằng cách sử dụng tên DN tương tự một cách lừa dối.

Lưu ý rằng pháp luật không cấm việc hai DN sử dụng tên DN giống nhau hoặc tương tự nhau, nếu điều này không dẫn đến nguy cơ gây nhầm lẫn cho công chúng [34]. Ví dụ: cả hai DN đều có tên DN là “Triple Play”, nhưng một DN kinh doanh video, còn DN kia kinh doanh dịch vụ nhà hàng. Pháp luật cũng cho phép các DN ở các thị trường địa lý khác nhau sử dụng cùng một tên DN. Cũng giống như pháp luật của nhiều nước khác, pháp luật Hoa Kỳ không bảo hộ các danh từ chung, thí dụ như “law office”, “business”.

Pháp luật về tên DN của Hoa Kỳ hướng tới bốn mục đích: (i) bảo vệ sự đầu tư về kinh tế, trí tuệ và sáng tạo của DN; (ii) bảo vệ uy tín và quan hệ khách hàng cho DN; (iii) thúc đẩy sự rõ ràng và ổn định của thương trường bằng việc khuyến khích người tiêu dùng tin tưởng vào tên DN của thương nhân khi đánh giá chất lượng hàng hóa của DN (iv) nâng cao khả năng cạnh tranh bằng cách đòi hỏi DN phải gắn kết tên DN của mình với giá trị và chất lượng hàng hóa, dịch vụ [34].

Cả luật tiểu bang lẫn luật liên bang đều có các quy định bảo hộ tên DN chống lại sự xâm phạm. Ở tầm pháp luật liên bang, tên DN được bảo hộ bằng Luật nhãn hiệu hàng hóa Lanham [36]. Ở tầm pháp luật tiểu bang, vấn đề tên DN được điều chỉnh tương tự bằng các văn bản pháp luật về SHTT. Nói chung, pháp luật về tên DN nhằm bảo vệ người tiêu dùng tránh được những hành vi thương mại lừa dối, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ. Pháp luật không bảo vệ người tiêu dùng theo cách coi người tiêu dùng là những kẻ dễ bị lừa bịp một cách tội nghiệp, mà cũng đòi hỏi người tiêu dùng phải phân biệt được các đối thủ cạnh tranh trong những tình huống thích hợp. Có hai cách tòa án áp dụng chế tài: ra lệnh cho bên vi phạm ngừng hành vi vi phạm; và bồi thường thiệt hại bằng tiền.

***\*Nhận xét, đánh giá:***

- Pháp luật Hoa Kỳ quy định tên DN có thể đăng ký hoặc không đăng ký tùy theo quy định của pháp luật từng tiểu bang. Tên DN được bảo hộ bằng pháp luật SHTT.

- Pháp luật Hoa Kỳ cũng cho phép các DN ở các thị trường địa lý khác nhau sử dụng cùng một tên DN. Cũng giống như pháp luật của nhiều nước khác, pháp luật Hoa Kỳ không bảo hộ các danh từ chung, thí dụ như “law office”, business. Khác với pháp luật Hoa Kỳ, Luật DN Việt Nam quy định không được đặt tên DN trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của DN khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc (không có liên quan đến vị trí địa lý khác nhau và lĩnh vực kinh doanh khác nhau). Vấn đề này pháp luật VN nên nghiên cứu và học hỏi từ pháp luật Hoa Kỳ.

**1.4.2. Chính sách, pháp luật của Trung Quốc về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp**

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, thể chế luật pháp của Trung Quốc cũng không ngừng được cải thiện nhằm phù hợp với cuộc sống thiết thực của người dân. Đặc biệt từ khi Trung Quốc gia nhập tổ chức thương mại kinh tế thế giới (WTO), Quốc hội Trung Quốc đã ban hành rất nhiều bộ luật mới. Tuy nhiên, không giống với pháp luật Việt Nam, pháp luật Trung Quốc lại ban hành từng bộ luật riêng lẻ đối với mỗi loại hình DN. Ví dụ như: Luật Công ty áp dụng cho công ty cổ phần và trách nhiệm hữu hạn, Luật DN tư nhân lại áp dụng cho DN tư nhân, Luật đầu tư nước ngoài lại được áp dụng cho DN có vốn đầu tư nước ngoài [13].

Luật DN tư nhân Trung Quốc quy định tại điều 11 “Tên gọi của DN tư nhân phải phù hợp với ngành nghề kinh doanh của DN”. Luật đầu tư nước ngoài của Trung Quốc quy định quá trình thành lập một doanh nghiệp có vốn

đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc có thể thực hiện theo 8 bước, trong đó có bước 2 đăng ký tên DN: “Để chuẩn bị cho quá trình thành lập doanh nghiệp nhà đầu tư phải nộp hồ sơ tới Tổng cục quản lý hành chính và thương mại Trung Quốc (SIAC) hoặc cơ quan cấp dưới của cơ quan này để đăng ký tên DN. Việc đăng ký này thường chỉ mất 01 ngày”[13].

Nếu tên của DN trùng hoặc tương tự với tên TM của DN khác và sự tương tự đó đủ để gây nhầm lẫn cho công chúng liên quan, thì vụ kiện sẽ được giải quyết theo Luật chống cạnh tranh không lành mạnh.

Theo Điều 2 của Thông tư hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao Trung Quốc, một vụ kiện của một DN kiện một DN khác dùng tên trùng hoặc tương tự với tên của DN mình đã sử dụng trước, gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm cho giới công chúng liên quan và do đó vi phạm Điều 5 (3) Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh, thì tòa sẽ tiếp nhận thụ lý nếu vụ kiện phù hợp với quy định của Điều 108 Luật Tố tụng dân sự.

Điều 5 (3) Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh quy định “việc sử dụng tên của một DN hoặc cá nhân khác mà không được phép, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về sản phẩm của hai DN” là hành vi cạnh tranh không lành mạnh [37]. Thông tư nêu rõ rằng việc sử dụng tên gọi hay thương hiệu của một DN khác mà không được phép của chủ là một hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Tòa có thể tiếp nhận vụ kiện trực tiếp mà không cần quan tâm đến các thủ tục hành chính và không được tạm dừng vụ kiện vì bất kỳ một thủ tục hành chính nào được thông qua.

Ngoài ra, tên DN có được từ nước ngoài đang sử dụng tại Trung Quốc kể cả việc chúng đã được đăng ký hoặc đáp ứng các quy định ở nước ngoài thì cũng không được xung đột với tên DN hoặc thương hiệu đã được sử dụng và đã có uy tín xác định tại Trung Quốc. Vì điều đó có thể bị coi là cạnh tranh



không lành mạnh hoặc làm phương hại nhãn hiệu theo đúng nguyên tắc về sự phù hợp và độc lập về vùng lãnh thổ của quyền sở SHTT [33].

Một DN có tên TM xâm phạm độc quyền nhãn hiệu của người khác hoặc hành vi của DN đó cấu thành hành vi cạnh tranh không lành mạnh, thì phải chịu trách nhiệm dân sự bao gồm việc phải chấm dứt sử dụng nhãn hiệu không phù hợp với quy định pháp luật...

***\*Nhận xét, đánh giá:***

- Pháp luật Trung Quốc quy định tên DN bắt buộc phải đăng ký, giống quy định của pháp luật Việt Nam. Tên DN phải bao gồm bốn yếu tố sau: lãnh thổ, tên thương mại, công nghiệp, và hình thức tổ chức.

- Pháp luật Trung Quốc nghiêm cấm việc sử dụng tên DN của người khác để đánh lừa công chúng. Để ngăn chặn việc sử dụng trái phép tên TM, chủ sở hữu “tên TM” cần chứng minh rằng tên TM đó đã có một uy tín nhất định trên thị trường Trung Quốc và được công chúng liên quan biết đến.

- Pháp luật Trung Quốc xử lý hành vi sử dụng tên DN gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh. Luật DN Việt Nam quy định xử lý đối với hành vi này theo quy định của Luật SHTT hoặc Luật CT, bảo vệ môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

## **Kết luận Chương 1**

1. Pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN có mục tiêu là bảo vệ tên DN trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các DN. Tên DN khẳng định uy tín, vị thế của DN trước khách hàng cũng như trước các đối tác, đóng góp một tỷ trọng lớn trong giá trị tài sản của DN.

2. Trong quá trình đăng ký, sử dụng tên DN, DN không chỉ tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành là Luật DN mà còn phải tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan là Luật SHTT và Luật CT và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tên DN có mối quan hệ chặt chẽ với các đối tượng SHCN, do vậy cần phải có sự nghiên cứu, đưa ra những giải pháp phù hợp về mối quan hệ đó để tránh được những rủi ro, cũng như tranh chấp xảy ra, gây thiệt hại trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như uy tín của DN trên thương trường.

3. Pháp luật của một số nước trên thế giới (Hoa Kỳ, Trung Quốc) đều có quy định về đăng ký tên DN, sử dụng tên DN. Để đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, pháp luật các nước đều có quy định xử lý hành vi sử dụng tên DN một cách lừa dối trong kinh doanh, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng theo quy định của luật chống cạnh tranh không lành mạnh. Ở Việt Nam, việc xử lý hành vi này tuân theo quy định của Luật SHTT và Luật CT trong mối quan hệ rất chặt chẽ với Luật DN.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

### 2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp

#### 2.1.1. Pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp

Là một bộ phận của pháp luật kinh tế, pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN có điểm chung với pháp luật DN về các yếu tố cấu thành tên DN, trình tự, thủ tục đăng ký tên DN, quyền sử dụng tên DN trong hoạt động kinh doanh; có điểm chung với pháp luật SHTT về mối quan hệ giữa tên DN với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý; có điểm chung với pháp luật cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ về mối quan hệ giữa tên DN và chỉ dẫn thương mại (nhãn hiệu, tên TM...). Do đó, khi nghiên cứu về pháp luật đăng ký, sử dụng tên DN, tác giả cho rằng cần nghiên cứu một số các văn bản pháp luật chủ yếu sau đây:

- Luật Doanh nghiệp 2014 (trước đây là Luật DN 2005).
- Luật Sở hữu trí tuệ 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Luật Cạnh tranh 2004.
- Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp.
- Nghị định 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.
- Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền SHTT và quản lý nhà nước về SHTT; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

- Thông tư số 10/2014/TT-BVHTT&DL ngày 01/10/2014 hướng dẫn đặt tên doanh nghiệp phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

- Thông tư số 05/2016/TTLT-BKHCN- BKHĐT ngày 05/4/2016 của Bộ KH&CN và Bộ KH&ĐT hướng dẫn xử lý đối với trường hợp tên DN xâm phạm quyền SHCN.

### ***2.1.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp***

#### **2.1.2.1. Quy định của pháp luật về đăng ký tên doanh nghiệp**

Đăng ký thành lập DN là một thủ tục pháp lý cần thiết, trong đó DN thực hiện đăng ký với cơ quan ĐKKD nhằm ghi nhận sự ra đời của DN và xác định địa vị pháp lý của DN trên thị trường.

##### *a. Quy định về tên doanh nghiệp tại Luật Doanh nghiệp 2014:*

Theo quy định tại Điều 38 Luật DN 2014:

(i) Tên tiếng Việt của DN bao gồm hai thành tố là loại hình doanh nghiệp và tên riêng theo thứ tự sau đây:

- Loại hình DN: Tên loại hình DN được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “DN tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với DN tư nhân;

- Tên riêng: Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu, do người sáng lập ra DN đặt.

(ii) Tên DN bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của DN có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

Trường hợp DN có tên bằng tiếng nước ngoài thì tên bằng tiếng nước ngoài của DN được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của DN tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của DN hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do DN phát hành (Khoản 1, 2 Điều 40 Luật DN 2014)

(iii) Tên viết tắt của DN được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì trước khi đăng ký tên DN, DN hoặc người thành lập DN tham khảo tên các DN đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký DN.

Như vậy, theo quy định của Luật DN 2014 thì DN có thể có 03 tên: tên tiếng Việt, tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt.

#### *b. Quy định về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp*

Hồ sơ đăng ký thành lập DN là điều kiện cần và đủ để cơ quan ĐKKD xem xét cấp GCNĐKDN cho DN.

Luật DN quy định 28 điều (từ Điều 18 đến Điều 46) về thành lập DN và đăng ký thành lập DN tại Chương II. Chương này đã thể hiện rõ ràng, cụ thể các quy định như: đối tượng thành lập DN; ngành nghề kinh doanh; trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập DN của từng loại hình DN, tên DN...[32].

Theo quy định tại Luật DN, hồ sơ đăng ký DN đối với từng loại hình DN là khác nhau. Nhìn chung, để đăng ký thành lập DN, người thành lập DN phải chuẩn bị bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau như: (i) Giấy đề nghị thành lập DN theo mẫu thống nhất do cơ quan có thẩm quyền quy định; (ii) Danh sách thành viên (đối với công ty hợp danh, công ty TNHH), danh sách cổ đông sáng lập (đối với công ty cổ phần); (iii) Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân

hợp pháp khác của chủ DNTN, các thành viên là cá nhân; (iv) Dự thảo điều lệ Công ty... [32].

Nội dung giấy đề nghị đăng ký DN theo mẫu thống nhất, gồm các nội dung sau đây: (i) Tên doanh nghiệp; (ii) Địa chỉ trụ sở chính của DN; số điện thoại, số fax, thư điện tử (nếu có); (iii) Ngành, nghề kinh doanh; (iv) Vốn điều lệ; vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân; (v) Các loại cổ phần, mệnh giá mỗi loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần; (vi) Thông tin đăng ký thuế ...

Người thành lập DN hoặc người được ủy quyền gửi hồ sơ đăng ký DN theo quy định tại Luật này cho Cơ quan ĐKKD.

Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp GCNĐKDN trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp GCNĐKDN thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập DN biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Nội dung GCNĐKDN (Điều 29 Luật DN) gồm: (i) Tên DN và mã số DN; (ii) Địa chỉ trụ sở chính của DN; (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp ...; (iv) Vốn điều lệ [32].

#### **2.1.2.2. Quy định của pháp luật về sử dụng tên doanh nghiệp**

Trong hoạt động kinh doanh, DN có quyền sau đây được pháp luật quy định (Điều 7 Luật DN): (i) Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; (ii) Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; (iii) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; (iv) Chủ động tìm kiếm thị

trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; (v) Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu..... và các quyền khác theo quy định của luật có liên quan [32].

Sau khi được cấp GCNĐKDN, DN được hoạt động, kinh doanh với tên DN và ngành nghề kinh doanh mà mình đã đăng ký, sử dụng tên DN trong các hoạt động kinh doanh (Khoản 2 Điều 38 Luật DN), cụ thể:

- *Tên DN được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của DN.*

- *Tên DN phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành [32].*

### **2.1.2.3. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp**

Người thành lập DN có quyền tự do trong việc đặt tên cho DN của mình. Tuy nhiên, để đảm bảo lợi ích công cộng, bảo vệ quyền và lợi ích của chủ thể kinh doanh khác, Luật DN [32] và Nghị định 78/2015/NĐ-CP [11] đã quy định những điều cấm trong đặt tên DN, cụ thể:

*Thứ nhất, cấm đặt tên DN trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của DN đã đăng ký được quy định tại Điều 42 Luật DN [32].*

(i) Tên DN trùng là tên tiếng Việt của DN đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của DN đã đăng ký.

Trường hợp này không kể hai DN này có kinh doanh trong cùng một lĩnh vực hay không. Quy định này là khác với quy định của pháp luật Hoa Kỳ đã phân tích ở trên. Nếu xét ở góc độ là tên TM thì mặc dù hai tên TM trùng nhau nhưng kinh doanh ở hai lĩnh vực khác nhau thì vẫn có khả năng phân biệt.

(ii) Tên DN gây nhầm lẫn với tên của DN đã đăng ký là tên DN thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Tên riêng của DN trùng với tên riêng của DN đã đăng ký.

- Tên tiếng Việt của DN đề nghị đăng ký được đọc giống như tên DN đã đăng ký.

- Tên viết tắt của DN đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của DN đã đăng ký.

Ví dụ: Tên DN đã đăng ký: Tổng Công ty Dược Việt Nam; tên viết tắt là: Vinapharm; Tên DN đề nghị đăng ký: Công ty Cổ phần Vinapharm; tên viết tắt là Vinapharm

Mặc dù hai tên tiếng Việt của DN là không trùng hoặc gây nhầm lẫn theo quy định của pháp luật DN nhưng hai tên viết tắt đều trùng nhau thì hai cũng bị coi là gây nhầm lẫn.

- Tên DN viết bằng tiếng nước ngoài đề nghị đăng ký trùng với tên viết bằng tiếng nước ngoài của DN đã đăng ký.

- Tên riêng của DN đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của DN cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của DN đó;

+ Tên riêng của DN đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của DN cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “:”, “+”, “-”, “\_”;

+ Tên riêng của DN đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của DN cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của DN đã đăng ký;

+ Tên riêng của DN đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của DN cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.

*Thứ hai, cấm sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ*



*hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó [32].*

Khi đặt tên DN, DN hoặc người thành lập DN muốn sử dụng tên của cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của DN, thì DN hoặc người thành lập DN phải có đơn gửi các cơ quan đó. Nếu được các cơ quan, tổ chức, đơn vị đó chấp thuận thì DN hoặc người thành lập DN phải gửi kèm theo hồ sơ ĐKKD văn bản chấp thuận cho phép sử dụng tên của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó để cấu thành tên riêng của DN gửi cơ quan ĐKKD.

*Thứ ba, cấm sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc [32].*

Luật DN [32] và Nghị định 78/2015/NĐ-CP [11] (trước đây là Luật DN [31] và Nghị định 43/2010/NĐ-CP [9]) không có quy định hướng dẫn cụ thể từ ngữ, ký hiệu như thế nào là vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tuy nhiên, liên quan đến nội dung này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư 10/2014/TT-BVHTTDL [4] hướng dẫn trường hợp nào đặt tên DN là phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, cụ thể:

(i) Đặt tên DN vi phạm truyền thống lịch sử của dân tộc (Điều 2)

- *Sử dụng tên trùng tên danh nhân, trừ các trường hợp sau đây:*

+ *Người thành lập DN khi đặt tên DN theo tên riêng của mình nhưng trùng một phần hoặc toàn bộ tên danh nhân thì phải đặt đầy đủ họ, tên theo đúng tên ghi trong Giấy khai sinh của người thành lập DN;*

+ *Trường hợp DN do nhiều tổ chức, cá nhân sáng lập dự định đặt tên riêng DN bằng cách sử dụng tên riêng của một trong số những người sáng*

*lập nhưng trùng với tên danh nhân thì việc đặt tên DN được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;*

*+ Trường hợp đặt tên riêng DN bằng cách sử dụng tên ghép của tổ chức, cá nhân sáng lập nhưng trùng với tên danh nhân thì phải có dấu gạch nối (-) giữa các tên tổ chức, cá nhân sáng lập được ghép.*

*- Sử dụng tên đất nước, địa danh trong các thời kỳ bị xâm lược và tên những nhân vật trong lịch sử bị coi là phản chính nghĩa, kìm hãm sự tiến bộ.*

*- Sử dụng tên của những nhân vật lịch sử là giặc ngoại xâm hoặc những người có tội với đất nước, với dân tộc [4].*

(ii) Đặt tên DN vi phạm văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc (Điều 3 Thông tư):

*- Sử dụng từ ngữ, ký hiệu mang ý nghĩa dung tục, khiêu dâm, bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội;*

*- Sử dụng từ ngữ, ký hiệu thể hiện hoặc ám chỉ sự đe dọa, xúc phạm, phỉ báng, lăng mạ, bôi nhọ, khiếm nhã đối với tổ chức, cá nhân khác;*

*- Sử dụng từ ngữ, ký hiệu thể hiện hoặc ám chỉ sự phân biệt, kỳ thị vùng miền, dân tộc, tôn giáo, chủng tộc, giới;*

*- Các trường hợp khác về sử dụng từ ngữ vi phạm văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc theo quy định của pháp luật [4].*

#### **2.1.2.4. Xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp**

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định 78/2015/NĐ-CP thì: “Không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của DN, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đó.

Căn cứ để xác định tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện theo các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký đổi tên.

***(i) Quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp***

Chủ thể quyền SHCN có quyền đề nghị Phòng ĐKKD yêu cầu DN có tên xâm phạm quyền SHCN phải thay đổi tên gọi cho phù hợp. Chủ thể quyền SHCN có nghĩa vụ cung cấp cho Phòng ĐKKD các tài liệu:

- Bản sao hợp lệ văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng tên DN là xâm phạm quyền SHCN;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý; bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp; bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp.

***(ii) Trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh***

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ theo quy định, Phòng ĐKKD ra Thông báo yêu cầu DN có tên xâm phạm đổi tên DN và tiến hành thủ tục thay đổi tên trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày ra Thông báo. Sau thời hạn trên, nếu DN không thay đổi tên theo yêu cầu, Phòng ĐKKD thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật SHTT.

***(iii) Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm***

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo đó áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thay đổi tên DN hoặc buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên DN nhưng tổ chức, cá nhân vi phạm không thực hiện trong thời hạn do pháp luật quy

định thì cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm thông báo cho Phòng ĐKKD để yêu cầu doanh nghiệp báo cáo giải trình theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật DN. Trường hợp doanh nghiệp không báo cáo, Phòng Đăng ký kinh doanh ĐKKD thực hiện thu hồi GCNĐKDN theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 211 Luật DN [11].

***(iv) Các dạng hành vi sử dụng tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp***

- *Hành vi sử dụng tên DN trên biển hiệu, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch tương tự gây nhầm lẫn với tên TM đang được bảo hộ cho cùng lĩnh vực kinh doanh hoặc cho lĩnh vực kinh doanh tương tự, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh dưới tên TM đó (Điều 129 Luật SHTT [27], Điều 11 Nghị định 99/2013/NĐ-CP [10]).*

Dạng hành vi này hiện nay rất phổ biến, các chủ DN thường biết đến tên TM của người khác, sau đó lấy tên TM đó đăng ký thành tên DN của mình (thông thường là những cán bộ đã từng làm việc tại các DN đó hoặc có mối quan hệ kinh doanh với các DN đó). Khi đăng ký thành lập DN, tiêu chí xác định tên trùng hay tên gây nhầm lẫn theo quy định tại Luật DN [32] và Nghị định 78/2015/NĐ-CP [11] là đánh giá cả loại hình DN và tên riêng (gồm cả thành phần mô tả về lĩnh vực kinh doanh), khác với tiêu chí đánh giá tên trùng hoặc gây nhầm lẫn đối với tên TM theo quy định của Luật SHTT và Nghị định 105/2006/NĐ-CP [6] là chỉ đánh giá thành phần có khả năng phân biệt của thành phần tên riêng.

Ví dụ: Công ty Cổ phần MEINFA được thành lập tại Hà Nội, kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất kim từ năm 2000, đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ là tên TM theo quy định của pháp luật SHTT. Đến năm 2010, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MEINFA Việt Nam được đăng ký thành lập tại Hà Nội cũng kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất kim.

Theo quy định của pháp luật DN thì hai tên DN nêu trên là khác nhau nên cả hai DN đều thành lập hợp pháp và đều được cấp GCNĐKDN.

Theo quy định của pháp luật SHTT, mặc dù Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MEINFA Việt Nam được đăng ký thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật DN nhưng việc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MEINFA Việt Nam có sử dụng thành phần phân biệt là dấu hiệu “MEINFA” trong tên riêng của DN trùng với tên TM “MEINFA” đã được bảo hộ từ năm 2000 trong cùng lĩnh vực kinh doanh sản xuất kim trên cùng một địa bàn kinh doanh, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về chủ thể kinh doanh, nguồn gốc sản phẩm kim, là hành vi xâm phạm quyền đối với tên TM theo quy định của pháp luật SHTT.

Thực tế khi cấp GCNĐKDN tại cơ quan chức năng cũng chưa thể áp dụng quy định liên quan về SHCN vì rõ ràng là thiếu quá nhiều điều kiện (không có cơ sở dữ liệu chung, không có cơ sở pháp lý để xác định tên TM, khu vực kinh doanh, danh tiếng .v.v.). Việc áp dụng (nếu có thể) sẽ kéo dài thời gian thẩm định lên rất nhiều (đi ngược với tiêu chí rút gọn thời gian ĐKKD). Tuy nhiên, sự phụ thuộc giữa nhãn hiệu và tên thương mại như đã nói ở trên vẫn sẽ được áp dụng (do đã quy định trong Luật DN và Nghị định 78/2015/NĐ-CP) và đây là quy định mà các DN cần tính đến và tận dụng sao cho linh hoạt trong tranh chấp thương mại (kể cả với các DN nước ngoài).

*- Hành vi sử dụng tên DN trong hoạt động kinh doanh tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đang được bảo hộ cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc sản phẩm, dịch vụ tương tự, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh mang nhãn hiệu đó (Điều 129 Luật SHTT [27], Điều 11 Nghị định 99/2013/NĐ-CP [10]), cụ thể:*

+ Sử dụng tên DN chứa dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ do DN đó sản xuất, kinh doanh trùng với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó.

+ Sử dụng tên DN chứa dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tương tự hoặc liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ.

+ Sử dụng tên DN chứa dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng, tương tự hoặc liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ.

- Sử dụng tên DN chứa dấu hiệu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu nổi tiếng hoặc dấu hiệu dưới dạng dịch nghĩa, phiên âm từ nhãn hiệu nổi tiếng cho hàng hoá, dịch vụ bất kỳ, kể cả hàng hoá, dịch vụ không trùng, không tương tự và không liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá hoặc gây ấn tượng sai lệch về mối quan hệ giữa người sử dụng dấu hiệu đó với chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng.

- *Hành vi sử dụng tên DN trên sản phẩm, hàng hóa tương tự gây nhầm lẫn với chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc sản phẩm, dịch vụ tương tự, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh (Điều 129 Luật SHTT [27], Điều 11 Nghị định 99/2013/NĐ-CP [10]).*

- *Hành vi gắn chỉ dẫn thương mại (là các dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn hàng hoá, dịch vụ, bao gồm nhãn hiệu, tên TM, khẩu hiệu kinh doanh...) trong tên DN để xưng danh trong hoạt động kinh doanh, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của*

*hàng hoá, dịch vụ, là hành vi cạnh tranh không lành mạnh về SHCN (Điều 130 Luật SHTT [27], Điều 14 Nghị định 99/2013/NĐ-CP [10]).*

Trong trường hợp này, DN đã sử dụng các thông tin gây nhầm lẫn với các thành quả sáng tạo và đầu tư của các doanh nghiệp khác như: nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý....

Nếu nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được cấp VBBH hoặc tên TM đáp ứng các điều kiện bảo hộ thì sẽ được bảo vệ theo quy định của pháp luật SHTT. Nếu việc sử dụng các chỉ dẫn thương mại là nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý mà chưa được cấp VBBH thì sẽ được bảo vệ theo pháp luật cạnh tranh. Nói cách khác, các đối tượng này SHCN được bảo vệ bởi pháp luật cạnh tranh và pháp luật về SHTT với hai mức độ khác nhau. Nếu như sự bảo vệ của pháp luật SHTT yêu cầu chặt chẽ hơn và do đó nghĩa vụ chứng minh quyền của chủ thể khi yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT cũng ít hơn thì pháp luật cạnh tranh chỉ xuất hiện khi có hành vi cạnh tranh không lành mạnh và nghĩa vụ chứng minh của chủ thể lúc này cũng đòi hỏi ở mức cao hơn. Nói cách khác, sự bảo vệ của pháp luật cạnh tranh tồn tại nhằm bổ sung cho những khoảng trống mà pháp luật SHTT không với tới được với mục đích cuối cùng là bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Việc sử dụng các CDTM trên hàng hóa, dịch vụ phải gây hậu quả là làm sai lệch nhận thức khách hàng và nhằm mục đích cạnh tranh. Nếu việc sử dụng chưa đến mức gây nhầm lẫn cho khách hàng hoặc không có mục đích cạnh tranh thì cũng không được coi là thuộc nhóm hành vi này

## **2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp**

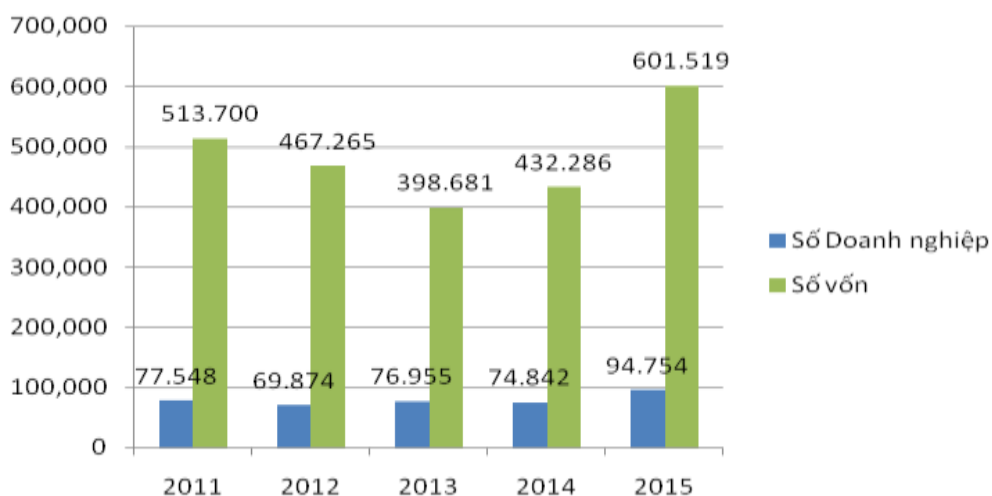
### ***2.2.1. Những kết quả đạt được về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp***

#### **2.2.1.1. Về đăng ký tên doanh nghiệp**

- Từ năm 2011 đến năm 2015, số lượng DN thành lập mỗi năm, trung bình khoảng hơn 70.000 DN (số liệu cụ thể của các năm được thể hiện ở biểu

đồ dưới đây). Tính riêng trong năm 2015 (trong đó có 06 tháng cuối năm thực hiện Luật DN2014 có hiệu lực), cả nước có 94.754 DN được thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 601.519 tỷ đồng, tăng 26,6% về số DN và tăng 39,1% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Đây là năm kỷ lục có số DN và số vốn đăng ký cao nhất [14].

**Bảng 2.1: Số doanh nghiệp đăng ký thành lập từ năm 2010- 2015 [14]**



Trong 6 tháng đầu năm 2016, cả nước có thêm 54.501 DN thành lập mới với số vốn đăng ký là 427.762 tỷ đồng, tăng 20% về số DN và tăng 51,5% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm [15].

Như vậy, trong năm 2015 và 06 tháng đầu năm 2016, cả nước có khoảng gần 150.000 DN được thành lập, tương ứng với gần 150.000 tên DN được ghi nhận trong GCNĐKDN.

### **2.2.1.2. Về sử dụng tên doanh nghiệp**

Sau khi được thành lập hợp pháp, DN tiến hành các hoạt động kinh doanh. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, DN có những quyền được pháp luật xác định và bảo hộ, đồng thời cũng có những nghĩa vụ đối với nhà nước, đối với xã hội. Đây là những quyền và nghĩa vụ pháp lý do pháp luật xác định



và bảo đảm thực hiện. Ngoài ra, DN có thể thực hiện những nghĩa vụ xã hội khác với ý nghĩa là các hoạt động tự nguyện, từ thiện. Các cơ quan ĐKKD phối hợp với các cơ quan nhà nước khác có trách nhiệm tạo điều kiện để các DN thực hiện quyền, đồng thời cũng thực hiện sự kiểm soát, quản lý và đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ.

Với tư cách là một chủ thể độc lập trong kinh doanh, theo quy định của pháp luật (như Luật DN, Luật dân sự, Luật TM, Luật CT, Luật Đầu tư, Luật thuế, Luật Lao động,...), trong quá trình hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp được sử dụng tên DN trong hoạt động kinh doanh của mình cũng như giao dịch với các cơ quan chức năng.

### ***2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong thực tiễn áp dụng pháp luật đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp***

#### ***2.2.2.1 Về đăng ký tên doanh nghiệp***

Mặc dù đạt được kết quả rất khả quan trong quá trình đăng ký thành lập DN (có bao gồm đăng ký tên DN), tuy nhiên trong thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký tên DN đã phát sinh một số hạn chế sau đây:

#### ***(i) Đặt tên tiếng Việt của DN có thành phần đã được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực kinh doanh cụ thể***

**Hạn chế:** Thực tiễn xảy ra DN được thành lập và lấy tên là Công ty cổ phần May xuất khẩu Made in Vietnam. Theo ý kiến của các DN dệt may, hàng Việt Nam xuất khẩu hiện đều lấy tên chung là Made in Vietnam và tại thị trường nội địa, hàng dệt may có gắn nhãn mác Made in Vietnam bán chạy và được giá. Nay một DN tự đặt tên Made in Vietnam chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến các công ty đang bán hàng dưới thương hiệu Made in Vietnam [24].

**Nguyên nhân:** do vấn đề này chưa được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật dẫn đến cơ quan ĐKKD không có cơ sở pháp lý để từ chối tên DN này. Đây là một vấn đề cần được nghiên cứu và giải quyết.

*(ii) Cấm đặt tên tiếng Việt của DN có sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc*

**Hạn chế:** Để hướng dẫn thi hành Điều 39 Luật DN [32], Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư 10/2014/TT-BVHTTDL hướng dẫn đặt tên doanh nghiệp phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn một số quy định chưa đầy đủ, rõ ràng, gây khó khăn không nhỏ cho các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện, mà cụ thể là cơ quan ĐKKD cũng như khó khăn cho người thành lập DN trong quá trình lựa chọn tên DN, cụ thể như sau:

- *Đối với DN:* việc xác định tên DN mình lựa chọn có trùng với tên danh nhân, tên địa danh trong thời kỳ bị xâm lược, tên nhân vật lịch sử phản diện, v.v... như quy định tại Thông tư là rất khó do thiếu quy định cụ thể thế nào là danh nhân, đâu là những tên danh nhân, địa danh, tên người không được đặt,... Ví dụ: “Tên danh nhân” được hiểu như thế nào? Theo tập quán của Việt Nam, tên được hiểu chỉ là âm tiết cuối cùng trong dòng chữ bao gồm cả họ và tên. Nhà làm luật phải quy định rõ “không được dùng họ và tên đầy đủ của danh nhân để đặt tên cho DN” mới đúng.

Trong nhiều trường hợp, bản thân cơ quan văn hóa cũng không có cơ sở cụ thể để xác định điều này. Do vậy, quy định tại Thông tư 10 có thể gây khó khăn hơn cho DN khi lựa chọn tên do “vùng cấm” trong đặt tên DN đã lớn hơn, khó xác định hơn.

- *Đối với cơ quan ĐKKD:*

*Thứ nhất,* Thông tư số 10 thiếu cơ sở để xác định những tên vi phạm do không có định nghĩa đâu là danh nhân, địa danh không được đặt, không có danh sách cụ thể cho DN cũng như cho cơ quan ĐKKD để thực hiện. Chính

vì thiếu cơ sở xác định tên vi phạm nên việc cơ quan ĐKKD cấp hoặc từ chối cấp GCNĐKDN cho DN rõ ràng sẽ mang nặng tính chất cảm tính và đôi khi khó thuyết phục.

*Thứ hai*, quy định tại Thông tư khó áp dụng ngay vào thực tế do không làm rõ cơ quan nào có thẩm quyền xác định tên phản cảm, tên vi phạm văn hóa, đạo đức, tên ám chỉ sự xúc phạm, phân biệt, kỳ thị, v.v... Trên thực tế, không thể đòi hỏi cán bộ cơ quan ĐKKD có khả năng xác định liệu tên DN có vi phạm quy định hay không mà cơ quan ĐKKD chỉ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và ghi nhận các thông tin do DN cung cấp. Việc xác định tên DN có thuộc vùng cấm hay không cần sự phối hợp của cơ quan văn hóa.

*Thứ ba*, không có quy định về cơ chế phối hợp giữa hai cơ quan là ĐKKD và cơ quan VH-TT-DL địa phương. Đây là hạn chế của Thông tư có thể gây khó khăn cho cơ quan ĐKKD khi thực hiện.

*Thứ tư*, việc “không dùng tên danh nhân đặt tên cho DN” chỉ áp dụng cho các DN đăng ký và hoạt động theo Luật DN [31] hay áp dụng cho cả các chủ thể kinh doanh khác như: hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã...? Hiện nay, có rất nhiều biển hiệu như nhà sách Nguyễn Văn Cừ, kính mắt Phạm Ngọc Thạch, phòng vé Đinh Tiên Hoàng... mà không thấy cơ quan có trách nhiệm can thiệp! DN bị cấm dùng tên danh nhân để đặt tên, còn các cơ sở giáo dục, tổ chức khác thì sao?

**Nguyên nhân:** Kể từ thời điểm Luật DN [32] có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, thay thế Luật DN [31] và cho đến thời điểm này vẫn chưa có văn bản pháp luật nào ban hành hướng dẫn các trường hợp nào đặt tên DN vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc thay thế Thông tư số 10/2014/TT-BVHTTDL, do vậy các cơ quan ĐKKD rất lúng túng khi xem xét tên DN có đáp ứng các điều kiện theo quy định của

Luật DN hay không; hiện nay sẽ áp dụng văn bản nào để đánh giá, xem xét đối với trường hợp này.

**(iii) Không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của DN.**

Trước khi đăng ký đặt tên DN, người thành lập DN hoặc DN có thể tham khảo các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã đăng ký và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý nhà nước về SHCN.

**Hạn chế:** Việc thực hiện quy định này trên thực tế gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là đối với các DN, cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, pháp luật mới chỉ khuyến cáo DN tra cứu về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trước khi đăng ký tên DN tại Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý nhà nước về SHCN, không có quy định bắt buộc phải thực hiện, do vậy DN hiểu rằng DN có thể tiến hành tra cứu hoặc không tra cứu. Nếu DN tiến hành tra cứu cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn bởi lẽ:

+ Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của Cục SHTT (<http://noip.gov.vn>) chỉ tra cứu được đối với đơn đăng ký SHCN quốc gia; còn đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế thì phải tra cứu trang web của WIPO (<http://wipo.int.com>), do vậy DN cũng phải có kiến thức tra cứu, kiến thức về SHTT và biết tiếng Anh (nếu tra cứu đăng ký quốc tế).

+ Cơ sở dữ liệu về tên TM không có trong cơ sở dữ liệu của Cục SHTT do quyền SHCN đối với tên TM được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên TM đó, không được xác lập trên cơ sở quyết định cấp VBBH của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký. Trong thực tế rất khó để xác định một tên TM nào đó đã có DN khác sử dụng trước đó hay chưa để tránh khi đặt tên DN. Chỉ khi có tranh chấp xảy ra thì chủ sở hữu tên TM mới đưa ra bằng chứng chứng minh việc sử dụng hợp pháp tên TM của mình trong phạm vi khu vực, địa bàn, lĩnh vực kinh doanh liên

quan. Trong nhiều trường hợp, thiệt hại lại thuộc về DN bị coi là đặt tên hoặc sử dụng tên gọi xâm phạm quyền đối với tên TM của người khác, cho dù không cố ý.

- *Thứ hai*, DN hiện nay thường kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó, có thể chỉ một vài lĩnh vực kinh doanh của họ mang tên DN đó xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu (thường được bảo hộ với một số nhóm sản phẩm, dịch vụ) hoặc với tên TM (thường được sử dụng trong hoạt động kinh doanh đối với một số sản phẩm, dịch vụ). Do vậy, việc quy định “Không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp...” là chưa rõ ràng và không thoả đáng, rất khó khăn đối với DN khi nghiên cứu, tìm hiểu vì không phải tất cả các lĩnh vực kinh doanh của DN mang tên DN đó đều vi phạm, chỉ có những lĩnh vực kinh doanh hoặc nhóm sản phẩm hàng hoá, dịch vụ được bảo hộ mới không được đặt tên DN.

- *Thứ ba*, DN tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên DN xâm phạm quyền SHCN. Việc chỉ quy định trách nhiệm của DN nếu đặt tên DN xâm phạm quyền SHCN là không thoả đáng và phần lớn các DN không đồng ý với quy định này do tên DN đã được Sở KH&ĐT xem xét, chấp thuận và ghi nhận vào GCNĐKDN.

#### **Nguyên nhân:**

- Do quy định này không nằm trong tổng thể quy định về việc cấm đặt tên DN tại Điều 39 Luật DN [32] mà quy định tại một điều riêng lẻ tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP [11], do vậy rất khó khăn cho người thành lập DN, DN và các cơ quan ĐKKD khi áp dụng pháp luật cũng như khi xem xét tên DN có đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật DN hay không.

- Người thành lập DN cũng như các Công ty tư vấn luật chưa quan tâm đến các vấn đề sở hữu trí tuệ khi lựa chọn tên DN để đăng ký; chưa có đủ kiến thức về SHTT để tiến hành tra cứu.

- Các cơ quan ĐKKD cũng chưa thực sự quan tâm về quy định này để khuyến cáo cho người thành lập DN biết trong quá trình xem xét tên DN có đáp ứng các điều kiện hay không.

- Mặc dù đã có quy định DN tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên DN xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, tuy nhiên còn có nhiều quan điểm khác nhau liên quan đến việc thực hiện quy định này:

*Quan điểm thứ nhất cho rằng (đây là quan điểm của đa số các DN):*

+ Tên DN đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp thì DN đó có quyền sử dụng hợp pháp tên DN đó.

+ Khi thẩm định tên DN có đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hay không, cơ quan ĐKKD phải có trách nhiệm xem xét quy định của PLDN và các quy định pháp luật có liên quan bao gồm cả quy định của PLSHTT. Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ DN khi xem xét, thẩm định tên DN, không nên đổ dồn trách nhiệm đó cho một mình DN phải gánh chịu khi hậu quả xảy ra mà phải có cảnh báo, dự liệu trước cho DN biết.

*Quan điểm thứ hai cho rằng (là quan điểm của các cơ quan quản lý):*

+ Mở rộng quyền tự do thành lập DN, đơn giản hoá thủ tục hành chính khi cấp GCNĐKDN, đồng nghĩa với việc Nhà nước chuyển từ công tác tiền kiểm sang hậu kiểm. Khi cấp GCNĐKDN, xem xét tên DN có đáp ứng các điều kiện theo quy định hay không, cơ quan ĐKKD chỉ xem xét tên DN đó có trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn theo quy định của Luật DN.

+ DN phải có trách nhiệm tra cứu nhãn hiệu, tên TM, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Cơ sở dữ liệu của Cục SHTT liên quan đến lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh mình dự định đăng ký và tự chịu trách nhiệm trước PL nếu đặt tên DN và sử dụng tên DN xâm phạm quyền SHCN, nên cần phải có lực lượng tư vấn, trợ giúp DN trước khi thành lập DN.

*(iv) Tên chi nhánh, văn phòng đại diện phải mang tên DN kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện*

**Hạn chế:** Trong thực tiễn hiện nay, có địa phương bắt buộc quy định tên địa phương đặt ở trước tên công ty, nhưng lại có địa phương quy định tên địa phương đặt sau tên công ty. Ví dụ, Chi nhánh tại Đà Nẵng Công ty XYZ hay Chi nhánh Công ty XYZ tại Đà Nẵng. Chỉ một sự khác biệt này nhưng DN cũng phải tốn công đi lại, sửa đổi công văn xin cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với cơ quan quản lý.

**Nguyên nhân:** Do PLDN chưa có quy định cụ thể về cách đặt tên chi nhánh ở địa phương dẫn đến mỗi cơ quan ĐKKD ở địa phương lại giải quyết theo những cách khác nhau.

#### **2.2.2.2. Về sử dụng tên DN**

DN có quyền sử dụng tên DN trong hoạt động kinh doanh đúng với tên DN đã đăng ký, tuy nhiên việc sử dụng tên DN đó không được xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Thực tiễn hiện nay một số DN đã lấy nhãn hiệu, tên TM, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ của người khác để cấu thành tên riêng của DN và được ghi nhận trong GCNĐKDN. Trong quá trình kinh doanh, DN đó đã sử dụng tên DN của mình để kinh doanh trùng với lĩnh vực hoặc nhóm sản phẩm, hàng hoá dịch vụ đang được bảo hộ, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, tạo nên môi trường cạnh tranh không lành mạnh. Để bảo vệ thành quả sáng tạo của mình, chủ thể quyền SHCN đã nộp đơn đề nghị cơ quan thực thi quyền SHCN xử lý hành vi sử dụng tên DN xâm phạm quyền SHCN.

Theo báo cáo tổng kết Chương trình hành động phòng chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn II (2012 -2015), các lực lượng chức

năng của 09 bộ, ngành (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Toà án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao), địa phương đã chủ trì và phối hợp với lực lượng chức năng của các bộ, ngành, địa phương liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, giải quyết 25.966 vụ việc có dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT, đã xử lý vi phạm hành chính 25.543 vụ việc với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính gần 97 tỷ đồng; đã khởi tố 381 vụ với 553 bị can; xét xử 55 vụ (12 vụ án hình sự) [3].

Số liệu tại Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ được tổng kết từ năm 2012 - 2015 cho thấy: Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành thanh tra 241 vụ việc liên quan đến SHCN, trong đó có 20 vụ việc xử lý xâm phạm quyền SHCN liên quan đến tên doanh nghiệp (chiếm 8,3%) [25].

Liên quan đến xử lý hành vi sử dụng tên DN xâm phạm quyền SHCN, theo quy định của Luật SHTT, Luật DN và các văn bản hướng dẫn thi hành, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm thường ưu tiên áp dụng biện pháp thương lượng, thỏa thuận để DN tự nhận thức và tự thay đổi tên DN, tránh hậu quả pháp lý xảy ra khi xử lý vụ việc. Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành quyết định xử phạt đối với 03 vụ việc, ban hành kết luận thanh tra 17 vụ việc, yêu cầu DN vi phạm phải thay đổi tên DN. Trong số các DN bị xử lý nêu trên, có 05 DN chưa thực hiện việc thay đổi tên DN. Thanh tra Bộ KH&CN đang phối hợp với Phòng ĐKKD tiến hành các trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP [11] và Thông tư 05/2016/TTLT-BKH&CN-BKHĐT [1] yêu cầu DN có tên vi phạm phải thay đổi tên DN. Các vụ việc xử lý tên DN xâm phạm quyền SHCN do Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý giai đoạn từ năm 2012 đến 2015 được thể hiện cụ thể tại Bảng 2.2 dưới đây:



**Bảng 2.2: Số liệu các vụ việc xử lý tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp tại Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ (từ năm 2012 - 2015) [26]**

Năm	STT	Chủ sở hữu		Tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Kết luận thanh tra	Quyết định xử phạt	Thay đổi tên doanh nghiệp
		Tên thương mại	Nhãn hiệu				
2012 (5 vụ)	1	Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú		Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	x		Đã thay đổi
	2		VTV	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ truyền thông VTV		x	Đã thay đổi
	3	Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp và Thương mại Mai Dương		Công ty Cổ phần Thiết bị công nghiệp Mai Dương	x		Đã thay đổi
	4	Công ty Kabushiki Kaisha Hitachi Seisakusho (Japan)	HITACHI	Công ty Cổ phần HATACHI HÀ NỘI	x		Đã thay đổi
	5	Đài Truyền hình Việt Nam		Công ty Cp Truyền thông – Truyền hình Việt Nam	x		Đã thay đổi

2013 (3 vụ)	6		Điện cơ 91	Công ty CP Điện cơ 91	x		<b>Chưa thay đổi</b>
	7		AIG	Công ty TNHH AIG Việt Nam		x	<b>Giải thể</b>
	8		Hàng Tín	Công ty Cổ phần Thiết bị Vật tư Kho quỹ Hàng Tín Việt Nam	x		Đã thay đổi
2014 (3 vụ)	9	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm MEKOPHAR		Công ty Cổ phần Dược Mê Kông (“MEKOPHA JSC”)	x		Đã thay đổi
	10	AEON KABUSHIKI KAISHA Nhật Bản	AEON	Công ty TNHH AEON	x		<b>Chưa thay đổi</b>
	11	Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATE)		Công ty TNHH NEWVISION LAW		x	Đã thay đổi
2015 (9 vụ)	12	DKSH International Ltd (Thụy Sĩ)		Công ty TNHH Dược phẩm DKSH Việt	x		Đã thay đổi
	13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Thiên Phú		Công ty TNHH Một thành viên Hoa Thiên Phú	x		Đã thay đổi
	14	Công ty Cổ phần MEINFA	MEINFA	Công ty TNHH MEINFA Hà Nội		x	Đã thay đổi
	15	Công ty Cổ phần ROSSANO		Công ty Cổ phần ROSANO Việt Nam	x		Đã thay đổi
	16	Công ty TNHH MTV-		Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	x		<b>Chưa thay đổi</b>

		Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn					
17		Hyundai Motor Company (Hàn Quốc)	Hyundai	Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam	x		<b>Chưa thay đổi</b>
18		Hyundai Motor Company (Hàn Quốc)	Hyundai	Công ty TNHH Huyndai Ebike	x		Đã thay đổi
19		Mitsubishi Electric Corporation (Nhật Bản)	Mitsubishi	Công ty CP Việt Nhật - Thang máy MITSUBISHI	x		Đã thay đổi
20		Tổng Công ty Dược Việt Nam (VINAPHARM)	VINAPHARM	Công ty Cổ phần Vinapharm	x		<b>Chưa thay đổi</b>

Để hiểu rõ những hạn chế và những nguyên nhân trong thực tiễn áp dụng pháp luật về sử dụng tên DN, tác giả sẽ phân tích qua một số vụ việc cụ thể đã giải quyết trực tiếp tại Thanh tra Bộ KH&CN.

**(i) Vụ việc đăng ký, sử dụng tên DN “Công ty TNHH AEON” xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu “AEON & Hình” của AEON KABUSHIKI KAISHA (Nhật Bản)**

- *Đối với AEON KABUSHIKI KAISHA (Nhật Bản) (bên yêu cầu xử lý)*

+ Tại Việt Nam, AEON KABUSHIKI KAISHA là chủ sở hữu các nhãn hiệu “AEON, hình”, “AEON MALL, hình”...đang được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 105457 (cấp ngày 21/7/2008); 144491 (cấp ngày 07/4/2010)...cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 16, 18, 35 - 45. Do vậy, kể từ ngày cấp, AEON KABUSHIKI KAISHA được độc quyền sử dụng các nhãn hiệu nêu trên cho các sản phẩm, dịch vụ đã đăng ký trên toàn lãnh thổ Việt Nam và có quyền ngăn cấm bất kỳ ai sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đang được bảo hộ.

+ AEON KABUSHIKI KAISHA chính thức hoạt động tại thị trường Việt Nam từ năm 2009 dưới hình thức Văn phòng đại diện. Năm 2011, AEON KABUSHIKI KAISHA thành lập Công ty TNHH AEON Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411043001762 do UBND TP Hồ Chí Minh cấp ngày 07/10/2011. Công ty TNHH AEON Việt Nam đã có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam (tiêu biểu là Trung tâm mua sắm AEON - Tân Phú Celadon, thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm mua sắm AEON - Bình Dương Canary, tỉnh Bình Dương). Trong hoạt động kinh doanh, AEON KABUSHIKI KAISHA sử dụng tên thương mại (tên giao dịch) là AEON Co.,Ltd, đáp ứng các điều kiện bảo hộ là tên TM theo quy định của pháp luật.

- *Đối với Công ty TNHH AEON (bên bị yêu cầu xử lý)*

+ Công ty TNHH AEON được thành lập và hoạt động theo GCNĐKDN (mã số 0311852575) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/6/2012, thay đổi lần 1 ngày 07/6/2013. Thể hiện trên GCNĐKDN, tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AEON COMPANY LIMITED; Tên công ty viết tắt là AEON Co., Ltd.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ được phẩm); sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng, đồ điện dân dụng ...

- Quá trình thanh tra, đại diện Công ty TNHH AEON báo cáo:

+ DN được cấp GCNĐKDN với tên DN “Công ty TNHH AEON”, tên viết tắt AEON Co., Ltd thì DN được quyền sử dụng hợp pháp tên DN đã đăng ký trong hoạt động kinh doanh của mình.

+ Khi đăng ký thành lập DN tại cơ quan ĐKKD, DN không được phổ biến, hướng dẫn quy định của pháp luật liên quan đến cấm đặt tên DN xâm phạm quyền SHTT theo quy định tại Nghị định 43/2010/NĐ-CP (nay là Nghị định 78/2015/NĐ-CP).

+ DN không biết đến quy định này. Việc quy định các trường hợp cấm đặt tên DN phải được quy định thống nhất trong Luật DN, không nên quy định rải rác ở các văn bản khác nhau.

- Kết quả kiểm tra, thấy rằng, tên doanh nghiệp “Công ty TNHH AEON” được cấp (26/6/2012) sau khi nhãn hiệu “AEON” (năm 2008) và tên TM “AEON” (năm 2009) được bảo hộ tại Việt Nam. Do vậy, có thể khẳng định rằng, khi đăng ký thành lập DN, người thành lập DN đã sử dụng nhãn hiệu và tên TM “AEON” đang được bảo hộ để cấu thành tên riêng của DN mình, vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định 43/2010/NĐ-CP (nay là Khoản 1 Điều 19 Nghị định 78/2015/NĐ-CP), tuy nhiên tên DN vẫn được cơ quan ĐKKD chấp thuận và ghi nhận trong GCNĐKDN.

- Kiểm tra thực tế, DN đang sử dụng dấu hiệu “AEON” nổi bật trên biển hiệu tại địa chỉ 147 An Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh và trong hoạt động kinh doanh của mình (giấy tờ giao dịch, phương tiện kinh doanh).

Trên cơ sở phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ nêu trên, đối chiếu với quy định của pháp luật hiện hành, Thanh tra Bộ KH&CN đã có văn bản kết luận Công ty TNHH AEON đã có hành vi sử dụng dấu hiệu “AEON” trong tên DN (bao gồm cả tên tiếng nước ngoài và tên viết tắt) và sử dụng dấu hiệu “AEON” gắn trên biển hiệu là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu và tên thương mại đang được bảo hộ tại Việt Nam cho AEON KABUSHIKI KAISHA (Nhật Bản), là hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại theo quy định tại Điều 129 Luật SHTT và sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP [10]; yêu cầu Công ty TNHH AEON phải thay đổi tên gọi cho phù hợp (cụ thể là loại bỏ dấu hiệu “AEON” ra khỏi tên doanh nghiệp).

Thực hiện Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra Bộ KH&CN, đại diện chủ thể quyền đã có văn bản đề nghị Phòng ĐKKD, Sở KH&ĐT TPHCM có văn bản thông báo yêu cầu Công ty TNHH AEON nộp hồ sơ thay đổi tên DN. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, Công ty TNHH AEON vẫn chưa nộp hồ sơ đề nghị thay đổi tên DN. Phòng ĐKKD đang tiến hành các thủ tục để yêu cầu Công ty TNHH AEON thực hiện việc đổi tên theo quy định của Thông tư 05/2016/TT-BKH&CN.

*Qua vụ việc trên, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét sau đây:*

**\* Hạn chế:**

- Các DN khi lựa chọn tên DN, đăng ký tên DN đều không biết đến các vấn đề sở hữu trí tuệ có liên quan đã được quy định tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP (trước đây là Nghị định 43/2010/NĐ-CP). Trường hợp nếu

DN có quan tâm thì có thể cũng chưa đủ kiến thức, kỹ năng để tra cứu đối với các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ theo đăng bạ quốc gia hoặc đăng ký quốc tế.

- Cơ quan ĐKKD khi xem xét tên DN, thông thường chỉ đánh giá, xem xét trên cơ sở quy định của Luật DN, chưa xem xét đến vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ. Chưa có sự phối hợp giữa cơ quan ĐKKD và cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ khi xem xét, chấp thuận đối với tên DN đăng ký.

- Việc chỉ quy định trách nhiệm cho người thành lập DN trong quá trình đăng ký mà không xem xét đến trách nhiệm của cơ quan ĐKKD khi thẩm định tên DN là không thoả đáng. DN khi được cấp GCNĐKDN thì họ tin rằng tên DN được cấp là hợp pháp.

- Cho đến thời điểm này. DN cố tình chưa tiến hành thủ tục đăng ký thay đổi tên DN xâm phạm quyền SHCN theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

**\* Nguyên nhân:**

- Do quy định về các trường hợp cấm đặt tên DN xâm phạm quyền SHCN tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP, không được quy định thống nhất trong Luật DN (Điều 39) dẫn đến khó khăn trong quá trình áp dụng đối với cả người thành lập DN, DN và cơ quan ĐKKD.

- Chưa có hệ thống tra cứu liên thông giữa cơ quan ĐKKD và cơ quan SHTT để xem xét, đánh giá các trường hợp đặt tên DN xâm phạm quyền SHCN, qua đó có cơ sở khuyến cáo các DN về hậu quả pháp lý có thể xảy ra nếu đặt tên DN xâm phạm quyền SHCN.

- Chưa có quy định về thu hồi GCNĐKDN trong trường hợp DN cố tình không thực hiện thủ tục thay đổi tên DN, cố tình không thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**(ii) Vụ việc sử dụng tên DN xâm phạm quyền đối với tên thương mại “Vinapharm”**

- Tổng Công ty Dược Việt Nam là Tổng công ty 100% vốn nhà nước, trực thuộc Bộ Y tế, được thành lập từ năm 1971. Tên viết tắt “Vinapharm” được ghi nhận tại Điều lệ của Tổng Công ty Dược Việt Nam và được Bộ Y tế phê chuẩn theo Quyết định số 1693/BYT-QĐ ngày 28/9/1996. Tổng Công ty Dược Việt Nam đã sử dụng tên viết tắt “Vinapharm” để xưng danh trong hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dược phẩm liên tục từ ngày 28/9/1996 cho đến nay, đáp ứng các điều kiện bảo hộ là tên thương mại theo quy định của Luật SHTT.

Tổng Công ty Dược Việt Nam là chủ sở hữu nhãn hiệu “Vinapharm & Hình” theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 206104 (cấp ngày 22/5/2013) bảo hộ cho các sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 35 (xuất khẩu thuốc chữa bệnh) và nhóm 42 (tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật trong công nghiệp dược).

- Công ty Cổ phần Vinapharm được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp: 0311243421) do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/01/2011, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 13/12/2013. Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thực phẩm chức năng; bán buôn dụng cụ y tế, mỹ phẩm; sản xuất thực phẩm chức năng...

Công ty Cổ phần Vinapharm đã lấy tên TM “Vinapharm” để cấu thành tên riêng của DN mình.

Tổng Công ty Dược Việt Nam đã nộp đơn yêu cầu Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với tên TM “Vinapharm” với lý do Công ty Cổ phần Vinapharm do có hành vi sử dụng dấu hiệu “Vinapharm” trong thành phần phân biệt của tên doanh nghiệp, trên phương tiện kinh doanh, biển hiệu... tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu “Vinapharm & hình” và tên thương mại “Vinapharm”.



Ngày 18/12/2015, Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ ra Quyết định số 184/QĐ-TTra về việc thanh tra về SHCN đối với Công ty Cổ phần Vinapharm.

- Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra tại trụ sở Công ty, địa chỉ: số 132/1 Bàu Cát 1, phường 12, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh, thấy rằng: trên biển hiệu gắn tên doanh nghiệp “Công ty Cổ phần Vinapharm” tại trụ sở chính Công ty; 01 Profile quảng cáo sản phẩm thực phẩm chức năng của Công ty, trong đó có gắn tên doanh nghiệp “Công ty Cổ phần Vinapharm”; sử dụng dấu hiệu “Vinapharm” để quảng cáo cho hoạt động kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng tại trang thông tin điện tử.

- Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và kết quả thanh tra, ngày 28/4/2016, Chánh Thanh tra Bộ KH&CN đã ban hành Kết luận thanh tra số 152/KL-TTra, theo đó kết luận Công ty Cổ phần Vinapharm đã có hành vi sử dụng dấu hiệu “Vinapharm” trong thành phần phân biệt của tên doanh nghiệp “Công ty Cổ phần Vinapharm”, trên biển hiệu, giấy tờ giao dịch, phương tiện kinh doanh... cho hoạt động kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, trùng với tên thương mại “Vinapharm” đang được bảo hộ tại Việt Nam cho Tổng Công ty Dược Việt Nam, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hoá, dịch vụ.

Như vậy, Công ty Cổ phần Vinapharm đã có hành vi xâm phạm quyền đối với tên thương mại theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 Luật SHTT và sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 15 Điều 11 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP. Chánh Thanh tra Bộ đã yêu cầu Công ty Cổ phần Vinapharm: (i) chấm dứt hành vi sử dụng dấu hiệu “Vinapharm” trong thành phần phân biệt của tên doanh nghiệp “Công ty Cổ phần Vinapharm”, trên biển hiệu, giấy tờ giao dịch, phương tiện kinh doanh..., xâm phạm quyền đối với

tên thương mại đang được bảo hộ; (ii) chủ động tiến hành thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp (loại bỏ dấu hiệu “Vinapharm” trong tên doanh nghiệp).

Tổng Công ty Dược Việt Nam đã có văn bản đề nghị Phòng ĐKKD Sở KH&ĐT có văn bản yêu cầu Công ty Cổ phần Vinapharm thay đổi tên doanh nghiệp theo quy định tại Điều 19 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2016/TTLT-BKH-CN-BKH&ĐT.

Cho đến thời điểm này, Công ty Cổ phần Vinapharm vẫn chưa thực hiện việc thay đổi tên DN.

*Qua vụ việc trên, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét sau đây:*

**\* Hạn chế:**

- Tổng Công ty Dược Việt Nam sử dụng tên TM “Vinapharm” trong hoạt động kinh doanh dược phẩm từ năm 1996. Tại thời điểm nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm (tháng 07/2015), Tổng công ty Dược Việt Nam mới cung cấp chứng cứ chứng minh tên TM Vinapharm đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định của Luật SHTT, do vậy tên TM “Vinapharm” không có trong cơ sở dữ liệu của Cục SHTT.

- Năm 2012, người thành lập DN tiến hành tra cứu thông tin về tên TM cũng không có cơ sở dữ liệu để tra cứu do tên TM tự động được xác lập. Do vậy người thành lập DN không có thông tin về tên TM đang được bảo hộ. Nếu pháp luật yêu cầu họ chịu trách nhiệm về việc này thì thiết nghĩ cũng không thoả đáng trừ trường hợp chứng minh được họ đã biết đến tên TM Vinapharm (đã có quan hệ thương mại, quan hệ lao động với Tổng công ty Dược Việt Nam) mà vẫn cố tình đăng ký.

- Trong 04 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Vinapharm đã bỏ rất nhiều công sức, tiền bạc đầu tư cho hoạt động kinh doanh, việc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu Công ty thay đổi tên DN gây thiệt hại rất lớn cho Công ty.

- Đến thời điểm này, Công ty Công ty Cổ phần Vinapharm vẫn chưa thực hiện việc thay đổi tên theo yêu cầu của Phòng ĐKKD, chưa có chế tài buộc DN phải thực hiện theo yêu cầu của Phòng ĐKKD và cơ quan có thẩm quyền.

**\* Nguyên nhân:**

- Do Cục SHTT chưa có cơ sở dữ liệu về tên TM đang được bảo hộ nên người thành lập DN cũng như cơ quan ĐKKD không có cơ sở để tra cứu. Để khắc phục tình trạng này, cơ quan quản lý nhà nước khuyến khích các DN công bố tên TM của DN mình đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật SHTT trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Nếu quy định trách nhiệm của DN nếu đặt tên DN xâm phạm quyền đối với tên TM là không thoả đáng nếu không có căn cứ chứng minh được họ đã biết đến tên TM đó (đã có quan hệ thương mại, quan hệ lao động...).

**(iii) Vụ việc cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến tên DN**

- *Đối với Công ty TNHH MTV Quang điện - điện tử (gọi tắt là Công ty Quang điện - điện tử) - bên yêu cầu xử lý:*

Công ty đã sử dụng chỉ dẫn thương mại “ĐIỆN CƠ 91” trên sản phẩm quạt điện rộng rãi, ổn định, lâu dài, được nhiều người tiêu dùng Việt Nam biết đến uy tín, danh tiếng của sản phẩm mang dấu hiệu “ĐIỆN CƠ 91”, cụ thể:

+ Tiền thân của Công ty Quang điện - điện tử (Phiên hiệu quân sự: Nhà máy Z191) là DN quốc phòng an ninh 100% vốn nhà nước trực thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, Bộ Quốc phòng (tên dân sự là Nhà máy Điện cơ 91) được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-TM ngày 04/01/1989 của Bộ Quốc phòng. Năm 1993, Nhà máy Điện cơ 91 được đổi tên thành Công ty Điện - Điện tử 91 theo Luật DN nhà nước. Đến năm 1999, Công ty Quang điện - điện tử được thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Điện - Điện tử và Nhà máy Quang điện 23 và đến năm 2010, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quang điện - điện tử.

Kể từ khi thành lập (năm 1990) cho đến nay, Công ty Quang điện - điện tử và các đơn vị tiền thân chuyên về sản xuất công nghiệp, sản xuất các trang thiết bị có độ chính xác, độ bền cao, trong đó có sản phẩm chủ lực là quạt điện các loại gắn dấu hiệu “ĐIỆN CƠ 91”. Trong suốt quá trình 23 năm hình thành và phát triển, dấu hiệu “ĐIỆN CƠ 91” luôn được sử dụng ổn định và được gắn như một nhãn hiệu trên tất cả các sản phẩm quạt điện do Công ty sản xuất để phân biệt sản phẩm quạt điện do Công ty Quang điện - điện tử và các đơn vị tiền thân sản xuất với các sản phẩm quạt điện do các cơ sở khác sản xuất.

+ Mạng lưới phân phối sản phẩm quạt điện gắn dấu hiệu “ĐIỆN CƠ 91” có độ phủ rộng rãi, ở hàng trăm các đại lý, cửa hàng ở các tỉnh, thành miền Bắc và miền Trung trên cả nước.

+ Số lượng sản phẩm quạt điện gắn dấu hiệu “ĐIỆN CƠ 91” bán ra tăng lên hàng năm, từ 5.843 chiếc/01 năm (năm 1993) cho đến gần 500.000 chiếc /01 năm (năm 2005, 2006, 2007, 2008).

+ Doanh số bán sản phẩm quạt điện tăng lên hàng năm, từ khoảng 6 tỷ đồng/01 năm (từ năm 1993) đến hơn 100 tỷ đồng/01 năm (khoảng năm 2006, 2007 và 2008) và tiếp tục đạt gần 200 tỷ đồng/01 năm (năm 2011, 2012).

+ Sản phẩm quạt điện gắn dấu hiệu “Điện cơ 91” đã tham gia nhiều chương trình hội chợ triển lãm, hội chợ “Hàng Việt Nam chất lượng cao” được tổ chức hàng năm (2003, 2004, 2005, 2006...); tham gia nhiều chương trình bình chọn về thương hiệu, nhãn hiệu và được rất nhiều giải thưởng.

- *Đối với Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91 (bên bị yêu cầu xử lý):*

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103027516 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/10/2008, ngày thay đổi lần thứ 1: 17/4/2009. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, lắp ráp các loại quạt điện...

Đề giải quyết đơn của Công ty Quang điện - điện tử, ngày 12/7/2013, Chánh Thanh tra Bộ KH&CN đã ra Quyết định số 35/QĐ-TTra về việc thanh tra về SHCN đối với Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được, thấy rằng:

- Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91 được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

- Tại thời điểm thanh tra, Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91 (có ngành nghề kinh doanh sản xuất, lắp ráp quạt điện...) đang sử dụng tên DN trên biển hiệu (tại địa chỉ 252, đường Phúc Diễn, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội), giấy tờ giao dịch kinh doanh, trong đó có thành phần tên riêng “Điện cơ 91” trùng với chỉ dẫn thương mại “Điện cơ 91” gắn trên sản phẩm quạt điện của Công ty Quang điện - điện tử.

Mặc dù, dấu hiệu “ĐIỆN CƠ 91” chưa được Cục SHTT cấp VBBH độc quyền nhãn hiệu trước ngày Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91 được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật DN (ngày 23/10/2008), tuy nhiên dấu hiệu “ĐIỆN CƠ 91” đã được sử dụng ổn định, rộng rãi, lâu dài, được nhiều người tiêu dùng biết đến với chức năng là nhãn hiệu và trở thành chỉ dẫn thương mại được bảo hộ trước ngày Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91 được thành lập. Do vậy, việc Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91 sử dụng tên DN trên biển hiệu (tại địa chỉ 252, đường Phúc Diễn, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội), giấy tờ giao dịch kinh doanh cho ngành nghề kinh doanh quạt điện, trong đó có thành phần tên riêng “Điện cơ 91” trùng với chỉ dẫn thương mại “Điện cơ 91” được bảo hộ gắn trên sản phẩm quạt điện của Công ty Quang điện - điện tử, gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ.

**\* Kết luận xử lý vụ việc:** Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và kết quả thanh tra, Chánh Thanh tra Bộ KH&CN đã ban hành Kết luận thanh tra số

383/KL-TTra ngày 25/9/2013, theo đó kết luận Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91 đã có hành vi sử dụng tên DN “Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91” trên biển hiệu, giấy tờ giao dịch kinh doanh cho ngành nghề kinh doanh quạt điện, trong đó có thành phần tên riêng “Điện cơ 91” trùng với chỉ dẫn thương mại “Điện cơ 91” đã được Công ty Quang điện - điện tử sử dụng rộng rãi, ổn định, lâu dài từ trước (bắt đầu từ năm 1993 cho đến nay), là hành vi cạnh tranh không lành mạnh về SHCN theo quy định tại khoản 1 (a,b), 2, 3 Điều 130 Luật Sở hữu trí tuệ. Chánh Thanh tra Bộ yêu cầu Công ty Cổ phần Sản xuất Điện cơ 91 chấm dứt hành vi sử dụng tên DN vi phạm pháp luật SHTT; chủ động làm thủ tục thay đổi tên DN vi phạm tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

*Qua vụ việc trên, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét sau đây:*

**\* Hạn chế:**

- Việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh là một nội dung phức tạp và ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, việc xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến tên doanh nghiệp là một vấn đề hết sức khó khăn, đòi hỏi phải có quy định cụ thể, chi tiết về cách xác định, xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

- Các văn bản pháp luật hiện hành quy định về vấn đề này đang còn có những cách hiểu khác nhau, chưa thống nhất trong quá trình áp dụng, do vậy dẫn đến khiếu nại, chưa giải quyết được dứt điểm vụ việc.

- Việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh phải có bằng chứng chứng minh việc sử dụng chỉ dẫn “Điện cơ 91” nêu trên nhằm mục đích gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ, xuất xứ địa lý, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa, dịch vụ,

hoặc về điều kiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ, đáp ứng các tiêu chí của Luật SHTT (Điều 130) và Luật CT (Điều 39,40).

**\* Nguyên nhân:**

Do pháp luật SHTT và pháp luật DN quy định về vấn đề này đang có sự chưa thống nhất, cụ thể như sau:

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định 78/2015/NĐ-CP (trước đây là Điều 17 Nghị định 43/2010/NĐ-CP) thì chỉ quy định xử lý đối với tên doanh nghiệp xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại đã được bảo hộ, không có quy định xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu công nghiệp liên quan đến tên doanh nghiệp.

- Theo quy định tại Điều 14 Nghị định 99/2013/NĐ-CP thì hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến tên doanh nghiệp bị xử lý hành chính, theo đó có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc thay đổi tên DN, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên DN đối với hành vi vi phạm từ Khoản 1 đến Khoản 15 Điều này.

Do vậy, để xử lý được hành vi này cần phải có sự sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật nêu trên, đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng pháp luật.

## Kết luận Chương 2

1. Quy định của pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN đã được ban hành tương đối đầy đủ và phù hợp với các Điều ước quốc tế. Tuy nhiên, do tính chất không đồng bộ của pháp luật điều chỉnh giữa Luật DN, Luật SHTT và Luật CT về đăng ký, sử dụng tên DN trong hoạt động kinh doanh nên cần phải có sự nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

2. Thực tiễn áp dụng quy định về đăng ký tên DN còn nhiều vướng mắc, khó khăn, đặc biệt là việc đặt tên DN có sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc; đặt tên DN trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên TM, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ; các tiêu chí xác định tên DN trùng hoặc tên gây nhầm lẫn theo quy định của Luật DN không phù hợp với các tiêu chí xác định yếu tố gây nhầm lẫn giữa tên DN với nhãn hiệu, tên TM, chỉ dẫn địa lý...theo quy định của pháp luật SHTT; chưa có quy định trách nhiệm của cơ quan ĐKKD trong quá trình xem xét tên DN đăng ký liên quan đến các đối tượng SHCN.

3. Thực tiễn áp dụng để xử lý hành vi sử dụng tên DN xâm phạm quyền SHCN còn chưa hiệu quả do chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa cơ quan xử lý vi phạm và cơ quan ĐKKD, chưa có cơ chế thu hồi GCNĐKDN trong trường hợp DN cố tình không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc đổi tên DN của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thực tiễn áp dụng Luật SHTT và Luật CT trong quá trình xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến tên DN là một vấn đề hết sức khó khăn, đòi hỏi phải có quy định cụ thể, chi tiết về các tiêu chí xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh và chỉ bị điều chỉnh, ngăn chặn khi trở nên thái quá, gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích của các tổ chức, cá nhân khác và của cả xã hội.



### **Chương 3**

## **HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp**

Việc hoàn thiện pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN là một quá trình liên tục, có nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự quan tâm, nỗ lực của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc soạn thảo, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh các quan hệ pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN. Trong những năm gần đây, chúng ta đang tích cực xây dựng hệ thống pháp luật DN, pháp luật SHTT, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước trong thời kỳ hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Như đã nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành và phân tích thực tiễn áp dụng các quy định về đăng ký, sử dụng tên DN tại Việt Nam hiện nay, tác giả cho rằng để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật đăng ký, sử dụng tên DN, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, cần phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật; xác định mối quan hệ giữa Luật DN và Luật SHTT và Luật CT trong việc đăng ký, sử dụng tên DN, trong đó Luật DN đóng vai trò là luật chuyên ngành và Luật SHTT và Luật CT có tác dụng bổ trợ cho Luật DN để chống lại các hành vi xâm phạm; nâng cao năng lực của các cơ quan có thẩm quyền trong thực thi pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN và xây dựng các thiết chế bổ trợ để thực thi có hiệu quả pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN.

### **3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp**

Trong thời gian qua, khung pháp lý về đăng ký tên DN và sử dụng tên DN đã dần được hoàn thiện theo hướng thuận lợi, minh bạch và hiệu quả. Tuy nhiên, như đã phân tích ở Chương 2 trên đây, hiện nay cả PLDN, PLSHTT và PLCT cũng còn một số điểm chưa thống nhất trong việc đăng ký tên DN, sử dụng tên DN và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính liên quan tên DN bị cho là xâm phạm quyền SHCN. Thực tiễn áp dụng các quy định này đã gặp nhiều vướng mắc chưa được tháo gỡ, khiến cho việc đăng ký tên DN còn có nhiều bất cập, một số vụ việc xử lý tên DN xâm phạm quyền SHCN không thể thi hành, thậm chí tạo ra tiền lệ xấu trong hoạt động kinh doanh.

Để khắc phục những vấn đề còn tồn tại trong các quy định pháp luật hiện nay về đăng ký, sử dụng tên DN, tác giả đề xuất một số các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

#### ***3.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về đăng ký tên doanh nghiệp***

- *Thứ nhất*, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư thay thế Thông tư 10/2014/TTLT-BVHTTDL [4] hướng dẫn về việc đặt tên tiếng Việt của DN phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, theo đó bổ sung danh sách tên danh nhân, nhân vật lịch sử, tên đất nước trong các thời kỳ bị xâm lược, tên những nhân vật trong thời kỳ lịch sử bị coi là phản chính nghĩa, kìm hãm sự tiến bộ, tên của những nhân vật lịch sử là giặc ngoại xâm hoặc những người có tội với đất nước, với dân tộc không được sử dụng để đặt tên DN; quy định cụ thể về cơ chế phối hợp giữa cơ quan ĐKKD và cơ quan văn hoá, thể thao và du lịch địa phương trong việc xem xét tên DN có phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc hay không.

Quy định cụ thể như vậy sẽ giúp các cơ quan ĐKKD có cơ sở để xem xét chấp thuận hay không chấp thuận tên DN dự định đăng ký, giúp cho DN có đầy đủ thông tin khi tiến hành đặt tên DN.

- *Thứ hai*, để đảm bảo tên DN không bị gây nhầm lẫn theo quy định của Luật DN, đảm bảo hài hòa với quy định về tên TM của Luật SHTT, tác giả đề nghị sửa đổi Luật DN [33] theo hướng quy định rõ coi ngành nghề kinh doanh không phải là tên riêng của DN vì ngành nghề kinh doanh không có khả năng phân biệt, ai cũng có thể được sử dụng khi kinh doanh ngành nghề đó. Thành phần tên riêng là thành phần tên gọi để phân biệt giữa chủ thể kinh doanh này với chủ thể kinh doanh khác, có thể trong cùng lĩnh vực kinh doanh.

- *Thứ ba*, bổ sung Luật DN [33] theo hướng quy định về việc không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý để cấu thành tên riêng của DN vào điều quy định những điều cấm trong việc đặt tên DN (Điều 39), để các cơ quan thực thi cũng như doanh nghiệp thống nhất áp dụng trong thực tiễn.

- *Thứ tư*, sửa đổi Khoản 1 Điều 19 Nghị định 78/2015/NĐ-CP [11] theo hướng quy định bắt buộc trong hồ sơ đăng ký thành lập DN phải có kết quả tra cứu nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ liên quan đến thành phần phân biệt trong tên riêng của DN. Nếu chỉ quy định DN có thể tham khảo các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được đăng ký và lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp như quy định tại Khoản 1 Điều 19 hiện nay thì các DN không coi đó là trách nhiệm phải thực hiện nên hầu như DN không quan tâm và cũng không tra cứu trước.

- *Thứ năm*, sửa đổi Nghị định 78/2015/NĐ-CP [11] theo hướng đảm bảo quyền lợi hợp pháp của DN, tác giả cho rằng cũng nên quy định trách nhiệm của cơ quan ĐKKD trong quá trình cấp GCNĐKDN liên quan đến tên DN để giảm thiểu tối đa thiệt hại cho DN trong quá trình hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

+ Đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại đã được sử dụng rộng rãi, được nhiều người tiêu dùng biết đến hoặc nhãn hiệu nổi tiếng (Ví dụ: Mitsubishi, Honda, Hyundai, Vinamilk...), cơ quan ĐKKD phải có trách nhiệm tra cứu trên cơ sở dữ liệu để xem xét, từ chối cấp tên DN dự kiến đăng ký.

+ Đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại đang được bảo hộ, cơ quan ĐKKD có trách nhiệm tra cứu trên Cơ sở dữ liệu và thông báo cho người thành lập DN biết. Nếu DN đó đăng ký và tự chịu trách nhiệm trước PL về tên DN đã đăng ký nếu việc sử dụng tên DN đó là xâm phạm quyền SHCN.

### ***3.2.2. Hoàn thiện các quy định liên quan đến xử lý hành vi sử dụng tên doanh nghiệp có dấu hiệu của hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu công nghiệp***

Để đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy đầu tư, sáng tạo của các DN trên thị trường, đảm bảo mối quan hệ hài hoà giữa Luật DN, Luật SHTT và Luật CT, tác giả thiết nghĩ rằng cần phải xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể các tiêu chí xác định hành vi sử dụng tên DN trong hoạt động kinh doanh cấu thành hành vi cạnh tranh không lành mạnh về SHCN, cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, hướng dẫn cụ thể chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn là chỉ dẫn thương mại chứa các dấu hiệu (yếu tố cấu thành, cách trình bày, cách kết hợp giữa các yếu tố, màu sắc, ấn tượng tổng quan đối với người tiêu dùng) trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với chỉ dẫn thương mại tương ứng của chủ thể quyền yêu cầu xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh được sử dụng cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự.

*Thứ hai*, chủ thể yêu cầu xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn phải cung cấp các chứng cứ chứng minh:

+ Chủ thể kinh doanh đã sử dụng chỉ dẫn thương mại một cách rộng rãi, ổn định, được nhiều người tiêu dùng tại Việt Nam biết đến, có thể bao

gồm: các thông tin về quảng cáo, tiếp thị, trưng bày triển lãm; doanh thu bán hàng; số lượng sản phẩm bán ra; hệ thống đại lý phân phối, liên doanh, liên kết; quy mô đầu tư; đánh giá của các cơ quan nhà nước, phương tiện thông tin đại chúng, bình chọn của người tiêu dùng và các thông tin khác thể hiện uy tín của chủ thể kinh doanh gắn với chỉ dẫn thương mại trong hoạt động kinh doanh của mình tại Việt Nam;

+ Bên bị yêu cầu xử lý đã sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, phương tiện quảng cáo;

+ Bên bị yêu cầu xử lý tiếp tục sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn mặc dù đã được chủ thể quyền yêu cầu chấm dứt việc sử dụng hoặc thay đổi chỉ dẫn đó.

- Thứ ba, việc sử dụng chỉ dẫn nêu trên nhằm mục đích gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ, xuất xứ địa lý, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa, dịch vụ, hoặc về điều kiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

### ***3.2.3. Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp***

Kể từ Luật DN [31] cho đến Luật DN [32] và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DN đều không có quy định trường hợp tên DN xâm phạm quyền SHCN thuộc một trong các trường hợp thu hồi GCNĐKDN nếu DN cố tình không thực hiện quyết định xử phạt của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên Điều 31 Nghị định 99/2013/NĐ-CP [10] nếu tổ chức, cá nhân vi phạm không tiến hành thủ tục thay đổi tên DN, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên DN thì cơ quan ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính yêu cầu cơ quan ĐKKD

thu hồi GCNĐKDN. Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm thu hồi GCNĐKDN theo quy định của pháp luật. Như vậy giữa hệ thống PLDN và PLSHTT đang có chồng chéo về vấn đề này.

Do vậy, để đảm bảo việc thực thi pháp luật có hiệu quả, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 211 Luật DN [32] theo hướng:

*“Thu hồi GCNĐKDN trong trường hợp DN cố tình không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc thay đổi tên DN theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp của người có thẩm quyền”.*

#### **3.2.4. Hoàn thiện quy định về cơ chế phối hợp xử lý tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp**

Đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định 99/2013/NĐ-CP [10] theo hướng bổ sung quy định về trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN liên quan đến tên DN, cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, chủ thể quyền, cơ quan có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm phối hợp với cơ quan ĐKKD để cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan; xem xét báo cáo, giải trình của DN có tên vi phạm để thống nhất biện pháp xử lý phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- *Thứ hai*, Phòng ĐKKD có trách nhiệm phối hợp, cử người tham gia đoàn thanh tra khi có yêu cầu phối hợp xử lý vụ việc về tên DN xâm phạm quyền SHCN; có trách nhiệm yêu cầu DN báo cáo, giải trình theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật DN [32] khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử phạt.

### **3.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp**

#### **3.3.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông giữa cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ**

Để giảm thiểu tranh chấp giữa tên DN với nhãn hiệu và tên TM, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông, theo đó hệ thống này cần cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong cả nước hoạt động theo Luật DN và các luật chuyên ngành khác. DN được cấp tên theo nguyên tắc cụ thể, thống nhất, theo một quy chuẩn chỉ gồm ba tiêu chí: loại hình, ngành nghề kinh doanh (nếu có) và tên riêng (thành phần phân biệt). Khi tra cứu DN thì cũng có đầy đủ các thông tin về ngành nghề kinh doanh mà DN đã đăng ký. Hiện nay, công thông tin đăng ký DN quốc gia cũng đã tích hợp đầy đủ các thông tin nêu trên liên quan đến DN. Hệ thống này cũng phải xác định được các điểm giao thoa đồng nhất với hệ thống tiêu chí của Cục SHTT khi xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý và điều kiện bảo hộ “tên thương mại”.

Khi hệ thống cơ sở dữ liệu này được thiết lập, cơ quan ĐKKD sẽ dễ dàng tiếp cận và tra cứu các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam, giảm thiểu bớt các trường hợp cấp tên DN trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ.

***3.3.2. Thiết lập cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trong việc đăng ký tên doanh nghiệp, xử lý tên doanh nghiệp liên quan đến sở hữu trí tuệ***

- Thứ nhất, phối hợp hiệu quả giữa Bộ KH&CN, Bộ KH&ĐT và các đơn vị có liên quan trong quá trình xây dựng các VBQPPL liên quan đến tên DN và tên thương mại, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quy định pháp luật liên quan đến tên trùng, tên gây nhầm lẫn theo quy định của Luật DN; điều kiện bảo hộ đối với tên TM; xử lý tên DN xâm phạm quyền SHCN.

- *Thứ hai*, xây dựng và ký kết Biên bản ghi nhớ giữa cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm và cơ quan ĐKKD trong quá trình xử lý tên DN xâm phạm quyền SHCN.

- *Thứ ba*, phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan ĐKKD và Cục SHTT trong quá trình xem xét đăng ký tên DN với các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ.

- *Thứ tư*, hàng năm, Cục SHTT cung cấp danh sách các nhãn hiệu sử dụng rộng rãi, được nhiều người tiêu dùng biết đến ở Việt Nam cho các cơ quan ĐKKD trên phạm vi toàn quốc để cơ quan ĐKKD có thông tin trong quá trình xem xét, cấp GCNĐKDN liên quan đến tên DN.

### ***3.3.3. Nâng cao nhận thức công chúng về pháp luật đăng ký, sử dụng tên doanh nghiệp***

Các cơ quan thông tấn báo chí tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật qua các phóng sự, chuyên đề, bài viết; các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, hiệp hội tổ chức các cuộc hội thảo, chuyên đề cho các DN với nội dung sau:

- *Thứ nhất*, phổ biến, tuyên truyền cho DN chủ động tra cứu cơ sở dữ liệu của Cục SHTT liên quan đến các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ; tra cứu cơ sở dữ liệu của WIPO về đăng ký nhãn hiệu quốc tế để tránh sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ để cấu thành tên riêng của DN; trách nhiệm của DN khi đặt tên DN xâm phạm quyền SHCN.

- *Thứ hai*, phổ biến DN chủ động tránh sử dụng thành phần phân biệt (tên riêng của DN) đã được đăng ký và sử dụng trong lĩnh vực kinh doanh trùng hoặc tương tự với lĩnh vực kinh doanh mà mình đăng ký. Do tên TM tự động được xác lập qua quá trình sử dụng nên người thành lập DN không có cơ sở dữ liệu để tra cứu mà phải tự tìm hiểu thông qua hoạt động kinh doanh.



- *Thứ ba*, phổ biến quy định của PLDN để các cá nhân, tổ chức hiểu được trách nhiệm của người thành lập DN khi đăng ký thành lập DN. DN phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên DN xâm phạm quyền SHCN. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, nếu cơ quan có thẩm quyền kết luận tên DN xâm phạm quyền SHCN thì DN có tên vi phạm phải tiến hành đổi tên DN, không phụ thuộc vào việc cơ quan đăng ký kinh doanh đã cấp GCNĐKDN.

- *Thứ tư*, khuyến khích các DN tự bảo vệ quyền SHCN của mình, đặc biệt là đối với tên TM; cung cấp các thông tin, bằng chứng chứng minh tên TM mà DN đang sử dụng để xưng danh trong hoạt động kinh doanh đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo quy định của Luật SHTT (quá trình sử dụng, thời điểm bắt đầu sử dụng, khu vực có khách hàng, bạn hàng, lĩnh vực kinh doanh...) cho Cục SHTT để đăng tải lên cơ sở dữ liệu của Cục SHTT hoặc công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

#### ***3.3.4. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đăng ký kinh doanh, lực lượng (cán bộ) thực thi quyền sở hữu công nghiệp; tăng cường hướng dẫn, trao đổi thông tin, nghiệp vụ***

Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn:

- *Thứ nhất*, đào tạo, tập huấn cho cán bộ Phòng ĐKKD liên quan đến pháp luật về SHCN (quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên TM) trong quá trình xem xét cấp GCNĐKDN (trong đó có tên DN). Khi xem xét cấp tên DN, Phòng ĐKKD không chỉ xem xét đến tên DN có trùng hoặc gây nhầm lẫn hoặc thuộc vào các quy định cấm theo quy định của Luật DN và Nghị định 78/2015/NĐ-CP, mà cần phải xem xét thêm các nội dung sau đây:

- Thành phần tên riêng của DN có trùng với nhãn hiệu, tên TM hay chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ hay không để khuyến cáo DN, tránh những tranh chấp xảy ra sau khi DN đi vào hoạt động.

- Thành phần tên riêng của DN trùng với nhãn hiệu nổi tiếng, nhãn hiệu sử dụng rộng rãi thì phải xem xét để từ chối cấp tên DN.

- Trường hợp có vướng mắc, Phòng ĐKKD sẽ liên hệ với Cục SHTT để được cung cấp thông tin đầy đủ.

Để xem xét nội dung này cần phải có thêm thời gian. Nếu quy định thời hạn cấp GCNĐKDN 03 ngày như hiện nay thì không đảm bảo về thời hạn theo quy định của pháp luật.

- *Thứ hai*, đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu công nghiệp cũng như quy định của pháp luật ĐKKD cho các cán bộ làm công tác thực thi quyền sở hữu công nghiệp ở Trung ương cũng như địa phương, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn giải quyết vụ việc.

### **Kết luận Chương 3**

Từ việc nghiên cứu các điểm còn chưa phù hợp của Luật DN, Luật SHTT, cũng như qua thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN, tác giả đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật đăng ký, sử dụng tên DN tập trung vào các nội dung: hoàn thiện các quy định của pháp luật; xác định mối quan hệ giữa Luật DN và Luật SHTT trong việc đăng ký, sử dụng tên DN, trong đó Luật DN đóng vai trò là luật chuyên ngành và Luật SHTT có tác dụng hỗ trợ cho Luật DN để chống lại các hành vi xâm phạm; nâng cao năng lực của các cơ quan có thẩm quyền trong thực thi pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN và xây dựng các thiết chế hỗ trợ để thực thi có hiệu quả pháp luật về đăng ký, sử dụng tên DN.

2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật đăng ký, sử dụng tên DN bao gồm việc hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao năng lực của các cơ quan thực thi, nâng cao hiểu biết của doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức về pháp luật đăng ký, sử dụng tên DN, một chế định pháp luật còn tương đối mới ở nước ta hiện nay so với các chế định pháp luật truyền thống như đất đai, hôn nhân gia đình...

Vấn đề cuối cùng, tùy vào nội dung của từng giải pháp nên có thể triển khai thực hiện trong tương lai gần hoặc xa. Nhưng vấn đề quan trọng là phải có sự minh bạch, có quyết tâm hoàn thiện chính sách, pháp luật và có cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin chặt chẽ giữa các cơ quan ĐKKD và cơ quan có thẩm quyền quản lý về SHTT để từ đó nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này.

## KẾT LUẬN

Đăng ký, sử dụng tên DN ở Việt Nam được điều chỉnh bởi Luật DN, Luật SHTT, Luật CT và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc xác định vị trí của Luật DN trong mối quan hệ với các luật chuyên ngành khác để điều chỉnh việc đăng ký, sử dụng tên DN trong luận văn đã chứng minh Luật DN đóng vai trò là luật chuyên ngành. Do đó, khi áp dụng pháp luật cần có sự phối hợp giữa Luật DN, Luật SHTT và Luật CT, đảm bảo tên DN được đăng ký và sử dụng không chỉ đáp ứng được yêu cầu của Luật DN mà còn phải tuân thủ pháp luật chuyên ngành khác (Luật SHTT, Luật CT).

Luận văn cũng đã khảo sát thực tiễn áp dụng pháp luật để đi đến kết luận việc đăng ký, sử dụng tên DN hiện nay vẫn đang còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do pháp luật thiếu đồng bộ, thống nhất, cần phải nghiên cứu và đề xuất giải pháp hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Trên cơ sở phân tích thực trạng áp dụng pháp luật đăng ký, sử dụng tên DN, luận văn đã đề ra phương hướng và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật, giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này (bao gồm: xây dựng quy chế phối hợp đồng bộ và hiệu quả giữa cơ quan ĐKKD và cơ quan quản lý về SHCN; nâng cao nhận thức pháp lý cho các doanh nghiệp cũng như công chúng; nâng cao năng lực cho cán bộ cơ quan ĐKKD, cơ quan quản lý về SHCN trong việc thực thi pháp luật đăng ký, sử dụng tên DN).

Do thời gian nghiên cứu có hạn cũng như hạn chế về khả năng nghiên cứu nên Luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Có những vấn đề mà luận văn chưa đi sâu hoặc chưa đề cập đến hoặc còn phiến diện, cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn chỉnh. Vì vậy, tác giả mong nhận được ý kiến chỉ dẫn của các nhà khoa học và của những người đọc luận văn này để tiếp thu và sửa chữa những thiếu sót của luận văn./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TIẾNG VIỆT

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016), *Thông tư số 05/2016/TTLT-BKHHCN-BKHĐT ngày 05/4/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn xử lý trong trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2015), *Thông tư số 11/2015/TT-BKHHCN ngày 26/5/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ (2016), *Báo cáo tổng kết Chương trình phối hợp hành động phòng, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn II (2012-2015)*, Hà Nội.
4. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (2014), *Thông tư số 10/TT-BVHTTDL ngày 01/10/2014 hướng dẫn đặt tên doanh nghiệp phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2006), *Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp*, Hà Nội
6. Chính phủ (2006), *Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2010), *Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.

8. Chính phủ (2010), *Nghị định 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ*, Hà Nội
9. Chính phủ (2010), *Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 về đăng ký doanh nghiệp*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2013), *Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2015), *Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp*, Hà Nội.
12. Civillawinfo (2008), *Bài viết thành lập DN tại Hoa Kỳ*, nguồn <http://www.vietnam-ustrade.org/nhaptin/>
13. Công ty Luật Minh Khuê, *Bài nghiên cứu so sánh Luật Doanh nghiệp Việt Nam và Luật Doanh nghiệp Trung Quốc*, sưu tầm và dịch từ MKLAW FIRM, nguồn <https://luatminhkhue.vn/kien-thuc-luat-doanh-nghiep>.
14. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (2015), *Báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2015*, Hà Nội.
15. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (2016), *Báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2016*, Hà Nội.
16. Cục Sở hữu trí tuệ (2013, 2014, 2015, 2016), *Danh sách chỉ dẫn địa lý được bảo hộ tại Việt Nam*, nguồn <http://noip.gov.vn>
17. Vũ Thị Thuỳ Dung (2015), *Đăng ký thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp năm 2014*, Luận văn thạc sỹ Luật học (tr 35-37; 52-54).
18. Th.s Trần Thị Phương Hạnh (2006), *Một số ý kiến về tên doanh nghiệp*, Tạp chí Khoa học Pháp lý.
19. Nguyễn Thanh Vân Hằng (2012), *Điều kiện bảo hộ tên thương mại theo pháp luật Việt Nam*, Khoá luận tốt nghiệp (tr 4-9; 14-17; 38-47).

20. Kantar World Panel (2016), *Bảng xếp hạng toàn cầu của những nhãn hàng tiêu dùng được chọn lựa nhiều nhất trên thế giới và của từng quốc gia*, Nguồn: Dairy Reporter & Brand Footprint <https://www.vinamilk.com.vn>
21. Phạm Thị Thuý Liễu (2015), *Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ tên thương mại ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (số 10(281), tr34-37)).
22. Th.s Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), *Tên doanh nghiệp và bảo hộ tên doanh nghiệp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (số 8(281), tr37-40)).
23. Trần Thị Thu Trang (2015), *Quyền tự do thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2014*, Luận văn thạc sỹ Luật học.
24. Tạp chí Tài chính (2013), *Đặt tên doanh nghiệp, cơ quan quản lý cũng kêu vướng*, nguồn <http://tapchitaichinh.vn>
25. Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ (2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, 2013, 2014, 2015*, Hà Nội.
26. Quốc hội (2013) *Hiến pháp*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2005, sửa đổi năm 2009), *Luật Sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
28. Quốc hội (1990), *Luật Công ty*, Hà Nội.
29. Quốc hội (1990), *Luật Doanh nghiệp tư nhân*, Hà Nội
30. Quốc hội (2004), *Luật Cạnh tranh*, Hà Nội.
31. Quốc hội (2005), *Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội.
32. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội.
33. Văn phòng Luật sư Phạm và Liên danh, *Giải quyết xung đột quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án Trung Quốc*, nguồn <http://www.pham.com.vn/vi/>

## **TIẾNG ANH**

34. Choosing Business Names in the UK.
35. ‘Enterprise names’ and ‘trade names’ in China.
36. Lanham Trademark Act.
37. Protecting Intellectual Property Rights in China.